



FROM

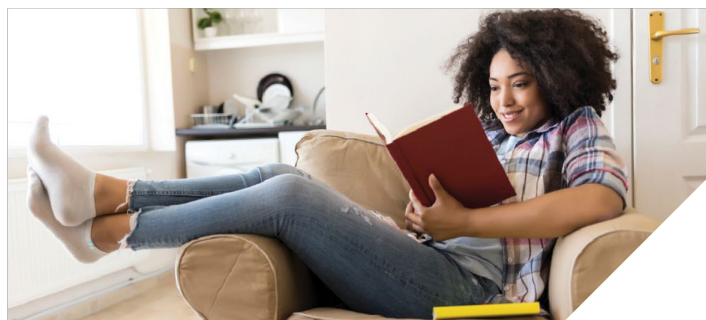


arizona
complete health.



DANH MỤC THUỐC NĂM 2025

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2025



Ambetter.AZcompletehealth.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh mục thuốc Ambetter from Arizona Complete Health, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc kê toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Áp dụng một số giới hạn về độ tuổi và giới tính.
- Bậc 1_A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.
- Bậc 6** - Bảo hiểm cho bậc này dành cho thuốc điều trị ung thư hoặc thuốc chống ung thư. Khoản chia sẻ chi phí được thiết lập tương đương với khoản chia sẻ chi phí quyền lợi y tế của hội viên.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào biểu mẫu Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ Nhà Thuốc sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được chấp thuận, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc theo toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên bị giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc đủ dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc thuộc nhóm opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRACE	3	QL(4 EA daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 EA daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	Aminoglycosides		
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)	ARIKAYCE	4	PA
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 2 GM/50ML, 10 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 EA daily); PA	Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA	RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	RINVOQ TB24	4	QL(1 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC			XELJANZ XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
Allergenic Extracts			XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
GRASTEK SUBL	3	PA	XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 EA daily); PA
AMEBICIDES			XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Amebicides			Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
SOLOSEC	3	PA	CYLTEZO (2 PEN) AJKT	4	QL(0.215 EA daily); PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections			CYLTEZO (2 PEN) AJKT	4	QL(0.072 EA daily); PA
			CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 EA daily); PA	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.215 EA daily); PA			
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.29 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Gold Compounds		
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	RIDAURA	3	QL(3 EA daily)
HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Interleukin-1 Blockers		
			ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
			Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
			ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	SP; PA
			ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4	SP; PA
			ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA
			ACTEMRA SOSY	4	SP; PA
			KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA
			KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)			<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 EA daily)	Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B		<i>OTEZLA XR TB24 PO 75 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B		<i>OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPk</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B		<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B		<i>OTEZLA TBPk</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>etodolac CAPS</i>	1B		<i>OTEZLA TBPk</i>	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
<i>etodolac TABS</i>	1B		Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); ST	<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B		Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1B	RX/OTC	<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A		<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B		<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B		<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
<i>indomethacin CPCR</i>	1B		<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B		ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 EA daily)	Analgesic Combinations		
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B		<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily); ST	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)			
<i>nabumetone</i>	1B				
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B				
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA			
<i>naproxen TABS</i>	1B				
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)			
<i>oxaprozin TABS</i>	1B				
<i>piroxicam CAPS</i>	1B				
<i>sulindac TABS</i>	1B				
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Salicylates			<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ML daily)
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ML daily)
Opioid Agonists			<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)</i>	1B	
<i>CODEINE SULFATE TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 EA daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrocodone bitartrate CP12</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA			
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B		<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>butalbital-aspirin-cafeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>SUBSYS LIQD 800 MCG</i>	3	QL(8 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 EA daily)			
Opioid Combinations					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ML daily); PA
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Androgens		
<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
<i>TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML</i>	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 GM daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 GM daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
<i>EMVERM CHEW</i>	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dofetilide</i>	1B		<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily)
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions			<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies			<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA	<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 EA daily)
FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA	Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ML daily); PA	<i>roflumilast</i>	3	QL(1 EA daily)
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 EA daily); PA	Steroid Inhalants		
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ML daily); PA	ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ML daily); PA	ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (<i>fluticasone furoate (inhalation)</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ML daily); PA	<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ML daily); PA	<i>fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 EA daily); PA	<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ML daily); PA	<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 GM daily)
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ML daily); PA	PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Anti-Inflammatory Agents			QVAR REDIHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ML daily)	Sympathomimetics		
Bronchodilators - Anticholinergics					
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 GM daily)			
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 EA daily)			
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ML daily)			
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	2	QL(0.14 GM daily)			
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1B	QL(1 EA daily)			
Leukotriene Modulators					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B		<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	QL(15 ML daily)			
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B		<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B		<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ML daily)
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B		<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B	
ANORO ELLIPTA 25 MCG/ACT-62.5 MCG/ACT (<i>umeclidinium-vilanterol</i>)	2	QL(2 EA daily)	<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ML daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 GM daily)
BEVESPI AEROSPHERE	2		SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail			
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 GM daily)			
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	STRIVERDI RESPIMAT	2	
			<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)	<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
DULERA	2		TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>umeclidinium-vilanterol</i>	2	QL(2 EA daily)
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	Xanthines		
			<i>theophylline ELIX</i>	1B	
			<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ML daily)
			<i>theophylline TB12</i>	1B	
			<i>theophylline TB24</i>	1B	
			ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
			Coumarin Anticoagulants		
			<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
			Direct Factor Xa Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPB	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)	<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>rivaroxaban SUSR 1 MG/ML</i>	1B	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)	<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP
<i>rivaroxaban TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
XARELTO STARTER PACK TBPB	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
XARELTO SUSR 1 MG/ML (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)	<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)	Thrombin Inhibitors		
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(2 EA daily)	ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
Heparins And Heparinoid-Like Agents			AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)	FYCOMPA TABS 4 MG (<i>perampanel</i>)	3	QL(3 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG (<i>perampanel</i>)	3	QL(1 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)	FYCOMPA TABS 2 MG (<i>perampanel</i>)	3	QL(6 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP	FYCOMPA TABS 6 MG (<i>perampanel</i>)	3	QL(2 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)	<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP	<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP	<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
Anticonvulsants - Benzodiazepines			<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B	
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA	<i>carbamazepine SUSP</i>	1B	
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>carbamazepine TABS</i>	1B	
<i>clonazepam TABS</i>	1A		<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail	<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	EPIDIOLEX	3	PA
Anticonvulsants - Misc.			<i>eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
APTiom 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG (<i>eslicarbazepine acetate</i>)	3	QL(2 EA daily); ST	<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 EA daily); PA	<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ML daily)
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 EA daily); PA	<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA	<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ML daily)
BRIVIACT TABS	3	QL(2 EA daily); PA	<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1B		<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 EA daily)
			<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
			<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 EA daily)
			<i>levetiracetam SOLN PO 100 MG/ML, 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ML daily)
			<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
			<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)	<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	Hydantoins		
<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	DILANTIN	2	
<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 EA daily); PA	DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ML daily); PA	DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B		DILANTIN SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ML daily); PA	<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 EA daily); PA	<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2		<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2		<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)	Succinimides		
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA	<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	Valproic Acid		
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
Carbamates			<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)	<i>valproate sodium SOLN IV 100 MG/ML, 500 MG/5ML</i>	1B	
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)	ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
GABA Modulators			Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
			<i>mirtazapine TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>mirtazapine TBDP</i>	1B	
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB12</i>	1B	
<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1B	
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM	3	QL(1 EA daily)
MARPLAN	2	QL(6 EA daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	
<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1B	
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TABS</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TB24</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS</i>	1B	
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1B	
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1B	
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1B	
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1B	
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B	
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Alpha-Glucosidase Inhibitors			<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 EA daily)	SOLQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 EA daily)	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
Antidiabetic Combinations			SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	Biguanides		
GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 EA daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	Diabetic Other		
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diazoxide</i>	3		INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
<i>glucagon SOLR IJ 1 MG</i>	1B	QL(0.035 EA daily)	INSULIN DEGLUDEC FLEXTouch SOPN	2	
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors			INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 EA daily)	INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2	
JANUVIA	2	QL(1 EA daily)	INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2	
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)	INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1B	
Incretin Mimetic Agents			INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1B	
<i>liraglutide</i>	1B	QL(0.3 ML daily)	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1B	
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA	INSULIN LISPRO SOLN IJ	1B	
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA	NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA	NOVOLIN N SUSP	2	
TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
VICTOZA (<i>liraglutide</i>)	2	QL(0.3 ML daily); PA	NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin			REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA	SEMGLEE (YFGN) SOLN	2	
APIDRA SOLN	3	PA	SEMGLEE (YFGN) SOPN	2	
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ML daily)	Insulin Sensitizing Agents		
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ML daily)	<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
INSULIN ASP PROT & ASP FLEXPEN SUPN	1B		Meglitinide Analogues		
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B		<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 EA daily)
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B		<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
INSULIN ASPART PROT & ASPART SUSP	1B		<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
			Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
			<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BONJESTA TBCR	3	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA	<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B		<i>ketoconazole</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists			<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)
			TOLSURA CAPS	4	PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily); PA	<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily); PA	ANTIHIISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA	Antihistamines - Alkylamines		
VARUBI (180 MG DOSE) TBPB	3	PA	<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections			Antihistamines - Ethanolamines		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors			<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>casprofungin acetate</i>	1B		<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
ERAXIS	3		<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA	<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
Antifungals			<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>amphotericin b IV</i>	3		<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>amphotericin b liposome</i>	3		<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>flucytosine</i>	1B		<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)	Antihistamines - Non-Sedating		
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B		<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B		<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>nystatin TABS</i>	1B		<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
Imidazole-Related Antifungals			<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA	<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>fluconazole SUSP</i>	1B				
<i>fluconazole TABS</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>loratadine CHEW</i>	1B		<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 EA daily)
<i>loratadine SOLN</i>	1B		Fibric Acid Derivatives		
<i>loratadine TABS</i>	1A		<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>loratadine TBDP</i>	1B		<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
QUZYTIR SOLN IV	3	PA	<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihistamines - Phenothiazines			<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>promethazine hcl SOLN PO 6.25 MG/5ML, 12.5 MG/10ML</i>	1B		HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B		<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B		<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Antihistamines - Piperidines			<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 EA daily); PV
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B		<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 EA daily); PV
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B		<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 EA daily)
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol			<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 EA daily)
Antihyperlipidemics - Combinations			<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 EA daily)	Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
Antihyperlipidemics - Misc.			<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	Nicotinic Acid Derivatives		
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
Bile Acid Sequestrants			Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ML daily); PA
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 GM daily)			
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)			
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 GM daily)			
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA			
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 EA daily)			
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 GM daily)			
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ML daily); PA	Antidiuretic Antihypertensives		
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ML daily); PA	<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure			<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 EA daily)
ACE Inhibitors			<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>benazepril hcl</i>	1B		<i>guanfacine hcl</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B		<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B		<i>terazosin hcl</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B		Antihypertensive Combinations		
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B		<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B		<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B		<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B		<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
Agents for Pheochromocytoma			<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
Angiotensin II Receptor Antagonists			<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
EDARBI	3	QL(1 EA daily); ST			
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B		Direct Renin Inhibitors		
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B		<i>eplerenone</i>	1B	
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	Vasodilators		
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST	<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	Anti-infective Agents - Misc.		
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 EA daily)	IMPAVIDO	3	QL(3 EA daily); PA
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>metronidazole TABS 250 MG, 500 MG</i>	1B	
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)	<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3		XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)	XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Antihypertensives - Misc.			Anti-infective Misc. - Combinations		
VECAMYL	3	PA	<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
			<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
			<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
			Antiprotozoal Agents		
			ALINIA SUSR	2	PA
			<i>atovaquone</i>	1B	
			<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR PO 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ML per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA

ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS

Antimyasthenic/Cholinergic Agents

FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	

ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)

Antimycobacterial Agents

<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA

ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer

Alkylating Agents

BELRAPZO SOLN	6	PA
BENDAMUSTINE HCL SOLN	6	PA
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	6	SP; PA
BENDEKA SOLN	6	PA
BICNU (<i>carmustine</i>)	6	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	6	SP; PA
BUSULFEX SOLN (<i>busulfan</i>)	6	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	6	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 150 MG/15ML, 450 MG/45ML, 600 MG/60ML</i>	6	PA
<i>carmustine</i>	6	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	6	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 50 MG/50ML, 200 MG/200ML</i>	6	PA
CISPLATIN SOLR	6	
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	6	PA
<i>cyclophosphamide SOLN 1 GM/5ML, 500 MG/2.5ML</i>	6	
CYCLOPHOSPHAMIDE SOLN 1 GM/5ML, 500 MG/2.5ML	6	
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	6	SP; PA
EVOMELA IV	6	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
GLEOSTINE 10 MG, 40 MG, 100 MG	6	PA	AVGEMSI SOLN 1 GM/26.3ML, 2 GM/52.6ML	6	PA
IFEX SOLR	6	PA	<i>azacitidine SUSR</i>	6	SP; PA
IFEX SOLR (<i>ifosfamide</i>)	6	SP; PA	<i>capecitabine</i>	6	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	6	SP; PA	<i>cladribine 10 MG/10ML</i>	6	PA
<i>ifosfamide SOLN 3 GM/60ML</i>	6	PA	<i>clofarabine</i>	6	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	6	SP; PA	CLOLAR (<i>clofarabine</i>)	6	SP; PA
IFOSFAMIDE SOLR	6	PA	<i>cytarabine SOLN 20 MG/ML</i>	6	PA
KEMOPLAT SOLN	6	PA	<i>cytarabine SOLN</i>	6	SP; PA
LEUKERAN	6	SP; PA	<i>decitabine</i>	6	SP; PA
<i>melphalan</i>	1B		<i>floxuridine</i>	6	SP; PA
<i>melphalan hcl IV</i>	1B		<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	6	SP; PA
MYLERAN TABS	6	SP; PA	FLUDARABINE PHOSPHATE SOLN	6	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	6	SP; PA	<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	6	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLR</i>	6	PA	<i>fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML</i>	6	PA
TEMODAR SOLR	6	SP; PA	<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	6	SP; PA
<i>temozolomide CAPS</i>	6	SP; PA	FOLOTYN 20 MG/ML	6	SP; PA
TEPADINA 100 MG (<i>thiotepa</i>)	6	PA	FOLOTYN 40 MG/2ML	6	PA
TEPADINA 15 MG (<i>thiotepa</i>)	6	SP; PA	<i>gemcitabine hcl SOLN</i>	6	PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	6	SP; PA	<i>gemcitabine hcl SOLN</i>	6	
<i>thiotepa 100 MG</i>	6	PA	GEMCITABINE HCL SOLN (<i>gemcitabine hcl</i>)	6	PA
TREANDA SOLR (<i>bendamustine hcl</i>)	6	SP; PA	GEMCITABINE HCL SOLN	6	
VIVIMUSTA SOLN	6	PA	GEMCITABINE HCL SOLN (<i>gemcitabine hcl</i>)	6	
YONDELIS	6	PA	<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	6	SP; PA
ZANOSAR	6	SP; PA	<i>gemcitabine hcl SOLR 1 GM</i>	6	PA
ZEPZELCA	6	PA	JYLAMVO SOLN PO	6	PA
Antimetabolites			<i>mercaptopurine SUSP 2000 MG/100ML</i>	6	PA
ALIMTA SOLR 500 MG (<i>pemetrexed disodium</i>)	6	SP; PA	<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
ALIMTA SOLR 100 MG (<i>pemetrexed disodium</i>)	6	PA			
ARRANON (<i>nelarabine</i>)	6	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>methotrexate sodium SOLN 1 GM/40ML, 250 MG/10ML, 1000 MG/40ML</i>	6	PA	CYRAMZA	6	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML</i>	1B		FRUZAQLA	6	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		INLYTA	6	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	6	QL(1 EA daily); PA
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	6	QL(3 EA daily); PA
<i>nelarabine</i>	6	SP; PA	LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	6	QL(2 EA daily); PA
ONUREG TABS	6	PA	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	6	QL(3 EA daily); PA
PEMETREXED	6	PA	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	6	QL(2 EA daily); PA
PEMETREXED DISODIUM SOLN 500 MG/20ML	6	PA	LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	6	QL(3 EA daily); PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	6	SP; PA	LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	6	QL(1 EA daily); PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 100 MG, 750 MG, 1000 MG</i>	6	PA	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	6	QL(2 EA daily); PA
PEMETREXED DITROMETHAMINE	6	PA	MVASI	6	PA
PEMFEXY	6	PA	ZALTRAP 200 MG/8ML	6	PA
<i>pralatrexate 40 MG/2ML</i>	6	PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	6	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	6	SP; PA	ZIRABEV	6	PA
PURIXAN SUSP 2000 MG/100ML (mercaptapurine)	6	PA	Antineoplastic - Antibodies		
TABLOID	6	SP; PA	ADCETRIS	6	SP; PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	6	SP; PA	ARZERRA	6	SP; PA
VIDAZA SUSR (azacitidine)	6	SP; PA	BAVENCIO	6	PA
XATMEP SOLN PO	6	PA	BESPO NSA	6	PA
XELODA (capecitabine)	6	SP; PA	BLINCYTO	6	PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors			DARZALEX	6	PA
AVASTIN 100 MG/4ML	6	SP; PA	EMPLICITI	6	PA
			ENHERTU	6	PA
			GAZYVA	6	PA
			IMFINZI	6	PA
			KADCYLA	6	PA
			KEYTRUDA	6	PA
			LIBTAYO	6	PA
			LOQTORZI	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
LUMOXITI	6	PA	<i>gefitinib</i>	6	QL(2 EA daily); PA
MONJUVI	6	PA	GILOTRIF	6	QL(1 EA daily); PA
OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML	6	PA	IRESSA (<i>gefitinib</i>)	6	QL(2 EA daily); PA
PADCEV	6	PA	LAZCLUZE	6	PA
POLIVY 140 MG	6	PA	PORTRAZZA	6	PA
POTELIGEO	6	PA	TAGRISSE 40 MG	6	QL(2 EA daily); PA
RITUXAN	6	SP; PA	TAGRISSE 80 MG	6	QL(1 EA daily); PA
RUXIENCE	6	PA	TARCEVA (<i>erlotinib hcl</i>)	6	QL(1 EA daily); SP; PA
SARCLISA	6	PA	VECTIBIX 100 MG/5ML	6	SP; PA
TECENTRIQ	6	PA	VECTIBIX 400 MG/20ML	6	PA
TRUXIMA 100 MG/10ML	4	PA	VIZIMPRO	6	QL(1 EA daily); PA
TRUXIMA 500 MG/50ML	6	PA	Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
UNITUXIN	6	PA	DAURISMO	6	PA
YERVOY	6	SP; PA	ERIVEDGE	6	QL(1 EA daily); SP; PA
ZEVALIN Y-90	6	PA	ODOMZO	6	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
HERCEPTIN 150 MG	6	SP; PA	<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	6	QL(2 EA daily); PA
HERNEXEOS TABS PO 60 MG	6		<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	6	QL(4 EA daily); SP; PA
HERZUMA	6	PA	AKEEGA	6	PA
KANJINTI	6	PA	<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 EA daily)
OGIVRI	6	PA	ARIMIDEX (<i>anastrozole</i>)	6	QL(1 EA daily)
ONTRUZANT	6	PA	AROMASIN (<i>exemestane</i>)	6	QL(1 EA daily); SP
PERJETA	6	SP; PA	<i>bicalutamide</i>	6	QL(1 EA daily); SP
TRAZIMERA	6	PA	CAMCEVI	6	PA
TUKYSA	6	PA	CASODEX (<i>bicalutamide</i>)	6	QL(1 EA daily); SP
Antineoplastic - BCL-2 Inhibitors			ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	6	SP; PA
VENCLEXTA STARTING PACK TBPB	6	PA	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	6	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
VENCLEXTA TABS	6	PA			
Antineoplastic - EGFR Inhibitors					
ERBITUX	6	SP; PA			
<i>erlotinib hcl</i>	6	QL(1 EA daily); SP; PA			
EXKIVITY	6	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
EMCYT	6	SP; PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
ERLEADA 60 MG	6	PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
ERLEADA 240 MG	6	QL(1 EA daily); PA	<i>toremifene citrate</i>	6	PA
EULEXIN	6	QL(6 EA daily); SP; PA	TRELSTAR MIXJECT	6	SP; PA
<i>exemestane</i>	6	QL(1 EA daily); SP	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	6	SP; PA
FARESTON (<i>toremifene citrate</i>)	6	PA	XTANDI CAPS	6	QL(4 EA daily); SP; PA
FEMARA (<i>letrozole</i>)	6		XTANDI TABS	6	PA
FIRMAGON 80 MG	6	QL(0.143 EA daily); SP; PA	YONSA	6	QL(4 EA daily); PA
FIRMAGON (240 MG DOSE)	6	QL(0.143 EA daily); SP; PA	ZOLADEX 3.6 MG	6	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); PA	ZOLADEX 10.8 MG	6	QL(0.0119 EA daily); SP; PA
INLURIYO TABS PO 200 MG	6	PA	ZYTIGA 250 MG (<i>abiraterone acetate</i>)	6	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>letrozole</i>	1B		ZYTIGA 500 MG (<i>abiraterone acetate</i>)	6	QL(2 EA daily); PA
LEUPROLIDE ACETATE-BUPIVACAINE	6	PA	Antineoplastic - Hypoxia-Inducible Factor Inhibitors		
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	6	SP; PA	WELIREG	6	PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	6	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	Antineoplastic - Immunomodulators		
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	6	SP; PA	POMALYST	6	QL(1 EA daily); PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	6	QL(0.1339 EA daily); SP; PA	Antineoplastic - Menin Inhibitors		
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	6	QL(0.0089 EA daily); SP; PA	REVUFORJ 25 MG	6	
LYSODREN	6	SP; PA	REVUFORJ	6	PA
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B		Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
<i>megestrol acetate TABS</i>	1B		AYVAKIT	6	QL(1 EA daily); PA
NILANDRON (<i>nilutamide</i>)	6	QL(2 EA daily)	Antineoplastic - Protease Activators		
<i>nilutamide</i>	6	QL(2 EA daily)	MODEYSO CAPS PO 125 MG	6	PA
NUBEQA	6	QL(4 EA daily); PA	Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
ORGOVYX	6	PA	XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) 50 MG	6	PA
ORSERDU	6	PA	XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY)	6	PA
SOLTAMOX SOLN	6	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) 40 MG	6	PA	JELMYTO SOLR UL	6	PA
XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) 60 MG	6	PA	<i>mitomycin SOLR IV 5 MG, 40 MG</i>	6	PA
XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY)	6	PA	<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	6	SP; PA
XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) 40 MG	6	PA	MITOMYCIN SOSY 20 MG/40ML	6	PA
XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY)	6	PA	<i>mitoxantrone hcl 20 MG/10ML, 30 MG/15ML</i>	6	PA
Antineoplastic Antibiotics			<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	6	SP; PA
<i>bleomycin sulfate 30 UNIT</i>	6	PA	<i>valrubicin</i>	6	SP; PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	6	SP; PA	VALSTAR (<i>valrubicin</i>)	6	SP; PA
COSMEGEN (<i>dactinomycin</i>)	6	SP; PA	Antineoplastic Combinations		
<i>dactinomycin</i>	6	SP; PA	AVMAPKI FAKZYNJA CO-PACK THPK PO	6	PA
<i>daunorubicin hcl SOLN</i>	6		DARZALEX FASPRO	6	PA
DAUNORUBICIN HCL SOLN (<i>daunorubicin hcl</i>)	6		HERCEPTIN HYLECTA	6	PA
DOXIL SUSP (<i>doxorubicin hcl liposomal</i>)	6	SP; PA	INQOVI	6	PA
<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	6	SP; PA	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	6	QL(2 EA daily); PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	6	SP; PA	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	6	QL(2.5 EA daily); PA
DOXORUBICIN HCL SOLN (<i>doxorubicin hcl</i>)	6	SP; PA	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	6	QL(3.25 EA daily); PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	6	SP; PA	LONSURF	6	PA
ELLENCES SOLN 50 MG/25ML	6	SP; PA	OPDUALAG	6	PA
ELLENCES SOLN 200 MG/100ML	6	PA	PHESGO	6	PA
IDAMYCIN PFS 20 MG/20ML (<i>idarubicin hcl</i>)	6	PA	RITUXAN HYCELA	6	PA
IDAMYCIN PFS 5 MG/5ML, 10 MG/10ML (<i>idarubicin hcl</i>)	6	SP; PA	VYXEOS	6	PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	6	SP; PA	Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	6	PA	AFINITOR DISPERZ TBSO (<i>everolimus</i>)	6	PA
			AFINITOR TABS (<i>everolimus</i>)	6	QL(1 EA daily); SP; PA
			ALECENSA	6	QL(8 EA daily); PA
			ALUNBRIG TABS	6	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ALUNBRIG TBPk	6	QL(1 EA daily); PA	GAVRETO	6	PA
AUGTYRO	6	PA	GLEEVEC TABS (<i>imatinib mesylate</i>)	6	QL(2 EA daily); SP; PA
BALVERSA	6	PA	GOMEKLI CAPS PO 1 MG, 2 MG	6	PA
BELEODAQ	6	PA	GOMEKLI TBSO PO 1 MG	6	PA
BORTEZOMIB SOLN IV	6	PA	IBRANCE CAPS	6	QL(1 EA daily); PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	6	SP; PA	IBRANCE TABS	6	QL(1 EA daily); PA
BORTEZOMIB SOLR IJ 1 MG, 2.5 MG	6	PA	IBTROZI CAPS PO 200 MG	6	PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	6	PA	ICLUSIG	6	QL(1 EA daily); PA
BOSULIF CAPS	6	QL(1 EA daily); PA	ICLUSIG	6	QL(1 EA daily); PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	6	QL(1 EA daily); SP; PA	IDHIFA	6	PA
BOSULIF TABS 400 MG	6	QL(1 EA daily); PA	<i>imatinib mesylate TABS</i>	6	QL(2 EA daily); SP; PA
BRAFTOVI 75 MG	6	QL(6 EA daily); PA	IMBRUVICA CAPS 140 MG	6	QL(3 EA daily); PA
BRUKINSA PO 160 MG	6	PA	IMBRUVICA CAPS 70 MG	6	QL(1 EA daily); PA
BRUKINSA	6	PA	IMBRUVICA SUSP	6	QL(8 ML daily); PA
CABOMETYX TABS	6	PA	IMBRUVICA TABS	6	QL(1 EA daily); PA
CALQUENCE	6	PA	IMKELDI SOLN	6	PA
CAPRELSA	6	QL(1 EA daily); SP; PA	INREBIC	6	PA
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	6	QL(2 EA daily); SP; PA	ISTODAX SOLR (<i>romidepsin</i>)	6	SP; PA
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	6	QL(4 EA daily); SP; PA	ITOVEBI	6	PA
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	6	QL(3 EA daily); SP; PA	JAKAFI	6	QL(2 EA daily); SP; PA
COPIKTRA	6	PA	JAYPIRCA	6	PA
COTELLIC	6	PA	KISQALI (200 MG DOSE)	6	QL(2 EA daily); PA
DANZITEN	6	PA	KISQALI (400 MG DOSE)	6	QL(2 EA daily); PA
<i>dasatinib</i>	6	QL(1 EA daily); SP; PA	KISQALI (600 MG DOSE)	6	QL(2.5 EA daily); PA
ENSACOVE CAPS PO 25 MG, 100 MG	6	PA	KOSELUGO	6	PA
<i>everolimus TABS</i>	6	QL(1 EA daily); SP; PA	KOSELUGO PO 5 MG, 7.5 MG	6	PA
<i>everolimus TBSO</i>	6	PA			
FOTIVDA	6	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
KRAZATI	6	PA	PAZOPANIB HCL 400 MG	6	PA
KYPROLIS	6	PA	PEMAZYRE	6	QL(1 EA daily); PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	6	QL(6 EA daily); SP; PA	PHYRAGO 20 MG, 50 MG, 70 MG, 80 MG, 100 MG, 140 MG	6	QL(1 EA daily); SP; PA
LORBRENA	6	QL(1 EA daily); PA	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	6	QL(1 EA daily); PA
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	6	QL(2 EA daily); PA	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	6	QL(2 EA daily); PA
LUMAKRAS 320 MG	6	QL(3 EA daily); PA	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	6	QL(2 EA daily); PA
LYNPARZA TABS	6	QL(4 EA daily); PA	QINLOCK	6	PA
LYTGOBI (12 MG DAILY DOSE)	6	PA	RETEVMO CAPS	6	PA
LYTGOBI (16 MG DAILY DOSE)	6	PA	RETEVMO TABS	6	PA
LYTGOBI (20 MG DAILY DOSE)	6	PA	REZLIDHIA	6	PA
MEKINIST SOLR	6	QL(40 ML daily); PA	ROMIDEPSIN SOLN	6	PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	6	QL(3 EA daily); PA	<i>romidepsin SOLR</i>	6	SP; PA
MEKINIST TABS 2 MG	6	QL(1 EA daily); PA	ROMVIMZA CAPS PO 14 MG, 20 MG, 30 MG	6	PA
MEKTOVI	6	QL(6 EA daily); PA	ROZLYTREK CAPS	6	PA
NERLYNX	6	PA	ROZLYTREK PACK	6	PA
NEXAVAR (<i>sorafenib tosylate</i>)	6	QL(4 EA daily); SP; PA	RUBRACA	6	QL(4 EA daily); PA
NILOTINIB D-TARTRATE CAPS PO 50 MG, 150 MG, 200 MG	6	PA	RYDAPT	6	PA
<i>nilotinib hcl 150 MG, 200 MG</i>	6	QL(4 EA daily); SP; PA	SCEMBLIX 100 MG	6	QL(4 EA daily); PA
<i>nilotinib hcl 50 MG</i>	6	QL(4 EA daily); PA	SCEMBLIX 20 MG, 40 MG	6	QL(2 EA daily); PA
NINLARO	6	QL(0.143 EA daily); PA	<i>sorafenib tosylate</i>	6	QL(4 EA daily); SP; PA
OGSIVEO	6	PA	SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	6	QL(1 EA daily); SP; PA
OJEMDA SUSR	6	PA	STIVARGA	6	QL(4 EA daily); SP; PA
OJEMDA TABS	6	PA	<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	6	PA
OJJAARA	6	PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	6	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>pazopanib hcl</i>	6	QL(4 EA daily); SP; PA	SUTENT 12.5 MG, 25 MG, 50 MG (<i>sunitinib malate</i>)	6	QL(1 EA daily); SP; PA
			SUTENT 37.5 MG (<i>sunitinib malate</i>)	6	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TABRECTA	6	QL(4 EA daily); PA	XALKORI CPSP	6	QL(2 EA daily); PA
TAFINLAR CAPS	6	QL(4 EA daily); PA	XOSPATA	6	PA
TAFINLAR TBSO	6	QL(30 EA daily); PA	ZEJULA CAPS	6	QL(3 EA daily); PA
TALZENNA 0.1 MG, 0.35 MG	6	PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	6	QL(1 EA daily); PA
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	6	QL(1 EA daily); PA	ZEJULA TABS 100 MG	6	QL(3 EA daily); PA
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	6	QL(1 EA daily); PA	ZELBORAF	6	QL(8 EA daily); SP; PA
TASIGNA 50 MG (<i>nilotinib hcl</i>)	6	QL(4 EA daily); PA	ZOLINZA	6	QL(4 EA daily); SP; PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG (<i>nilotinib hcl</i>)	6	QL(4 EA daily); SP; PA	ZYDELIG	6	QL(2 EA daily); PA
TAZVERIK	6	PA	ZYKADIA TABS	6	PA
<i>temsirolimus</i>	6	QL(0.143 ML daily); SP; PA	Antineoplastic Enzymes		
TEPMETKO	6	PA	ASPARLAS	6	PA
TIBSOVO	6	PA	ONCASPAS	6	SP; PA
TORISEL (<i>temsirolimus</i>)	6	QL(0.143 ML daily); SP; PA	Antineoplastic Radiopharmaceuticals		
TRUQAP TABS	6	PA	AZEDRA DOSIMETRIC	6	PA
TRUQAP TBPB	6	PA	AZEDRA THERAPEUTIC	6	PA
TURALIO 125 MG	6	PA	LUTATHERA	6	PA
TYKERB (<i>lapatinib ditosylate</i>)	6	QL(6 EA daily); SP; PA	PLUVICTO	6	PA
VANFLYTA	6	PA	STRONTIUM CHLORIDE SR-89	6	PA
VELCADE SOLR IJ (<i>bortezomib</i>)	6	SP; PA	XOFIGO	6	PA
VERZENIO	6	QL(2 EA daily); PA	Antineoplastics Misc.		
VITRAKVI CAPS	6	PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	6	SP; PA
VITRAKVI SOLN	6	PA	ALFERON N	6	PA
VONJO	6	QL(4 EA daily); PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	6	SP; PA
VORANIGO	6	PA	<i>arsenic trioxide 12 MG/6ML</i>	6	PA
VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	6	QL(4 EA daily); SP; PA	<i>bexarotene</i>	6	SP; PA
XALKORI CAPS	6	QL(2 EA daily); SP; PA	<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	6	SP; PA
			<i>dacarbazine SOLR 100 MG</i>	6	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ELZONRIS	6	PA	<i>docetaxel</i> CONC 80 MG/4ML, 160 MG/8ML	6	PA
<i>hydroxyurea</i>	1B		<i>docetaxel</i> CONC 20 MG/ML	6	SP; PA
MATULANE	6	SP; PA	DOCETAXEL CONC 20 MG/ML (<i>docetaxel</i>)	6	SP; PA
NIPENT	6	SP; PA	DOCETAXEL CONC 80 MG/4ML, 160 MG/8ML (<i>docetaxel</i>)	6	PA
PHOTOFRIN	6	SP; PA	DOCETAXEL CONC 20 MG/ML	6	SP; PA
PROLEUKIN	6	SP; PA	DOCETAXEL CONC 80 MG/4ML, 160 MG/8ML	6	PA
SYNRIBO	6	SP; PA	<i>docetaxel</i> SOLN 20 MG/2ML	6	SP; PA
TARGRETIN (<i>bexarotene</i>)	6	SP; PA	<i>docetaxel</i> SOLN 80 MG/8ML, 160 MG/16ML	6	PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B		DOCETAXEL SOLN 80 MG/8ML, 160 MG/16ML (<i>docetaxel</i>)	6	PA
TRISENOX (<i>arsenic trioxide</i>)	6	PA	DOCETAXEL SOLN 20 MG/2ML (<i>docetaxel</i>)	6	SP; PA
UVADEX	6	SP; PA	DOCIVYX SOLN 80 MG/8ML, 160 MG/16ML	6	PA
Chemotherapy Adjuncts			DOCIVYX SOLN 20 MG/2ML	6	SP; PA
ELITEK	6	PA	<i>eribulin mesylate</i>	6	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents			ETOPOPHOS	6	SP; PA
<i>dexrazoxane hcl</i>	6	PA	<i>etoposide</i> CAPS	6	SP; PA
ETHYOL	6	PA	<i>etoposide</i> SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	6	SP; PA
IWILFIN	6	PA	HALAVEN (<i>eribulin mesylate</i>)	6	SP; PA
KHAPZORY 175 MG	6	PA	IXEMPRA KIT 45 MG	6	PA
<i>leucovorin calcium SOLN IJ 500 MG/50ML</i>	6		IXEMPRA KIT 15 MG	6	SP; PA
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B		JEVTANA	6	SP; PA
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B		<i>paclitaxel</i> 30 MG/5ML, 300 MG/50ML	6	PA
<i>levoleucovorin calcium SOLN</i>	6	PA	<i>paclitaxel</i> 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	6	SP; PA
<i>levoleucovorin calcium SOLR</i>	6	PA			
<i>mesna</i> SOLN	6	PA			
<i>mesna</i> TABS	6	PA			
MESNEX SOLN (<i>mesna</i>)	6	PA			
MESNEX TABS	6	PA			
VORAXAZE	6	SP; PA			
Mitotic Inhibitors					
ABRAXANE (<i>paclitaxel protein-bound particles</i>)	6	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PACLITAXEL PROTEIN-BOUND PART	6	SP; PA	<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	6	SP; PA	Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>vinblastine sulfate SOLN</i>	6	PA	<i>entacapone</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>vincristine sulfate</i>	6	SP; PA	<i>tolcapone</i>	1B	
<i>vinorelbine tartrate 50 MG/5ML</i>	6	PA	Antiparkinson Dopaminergics		
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	6	SP; PA	<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
Topoisomerase I Inhibitors			<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
CAMPTOSAR 300 MG/15ML (<i>irinotecan hcl</i>)	6	PA	<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
CAMPTOSAR 40 MG/2ML, 100 MG/5ML (<i>irinotecan hcl</i>)	6	SP; PA	<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
HYCANTIN CAPS	6	SP; PA	<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
HYCANTIN SOLR (<i>topotecan hcl</i>)	6	SP; PA	<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>irinotecan hcl 300 MG/15ML, 500 MG/25ML</i>	6	PA	<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	6	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
ONIVYDE IV 43 MG/10ML	6	PA	<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>topotecan hcl SOLN</i>	6	PA	<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
TOPOTECAN HCL SOLN (<i>topotecan hcl</i>)	6	PA	NEUPRO	2	
<i>topotecan hcl SOLR</i>	6	SP; PA	<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
TRODELVY	6	PA	<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease			<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
Antiparkinson Adjunctive Therapy			<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>carbidopa</i>	1B		<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
Antiparkinson Anticholinergics			Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B		<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B		<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B		<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
			ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
to Treat Mood Disorders			<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
Antimanic Agents			<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>lithium</i>	1B		<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B		<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B		<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B		<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
Antipsychotics - Misc.			<i>loxapine succinate</i>	1B	
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 EA daily); ST	<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 EA daily); ST	<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 EA daily); ST	<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1B	AL(At least 10 yrs old)
Benzisoxazoles			<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1B	
FANAPT	2	QL(2 EA daily); PA	Phenothiazines		
FANAPT TITRATION PACK A	2	PA	<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>paliperidone</i>	1B		<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA	<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA	<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>risperidone SOLN</i>	1B		<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>risperidone TABS</i>	1B		<i>fluphenazine hcl TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1B		<i>fluphenazine hcl TABS 1 MG</i>	1B	
Butyrophenones			<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)	<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B		<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B		<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B		<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
Dibenzapines					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Quinolinone Derivatives		
<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
Thioxanthenes		
<i>thiothixene</i>	1B	
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
Antiretrovirals		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ML daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)
CIMDUO	3	QL(1 EA daily); ST
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)
DOVATO	3	QL(1 EA daily)
EDURANT	3	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA
GENVOYA	3	QL(1 EA daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 EA daily)
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 EA daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 EA daily)
JULUCA	3	QL(1 EA daily)
KALETRA SOLN	2	QL(12.5 ML daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 EA daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ML daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ML daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
NORVIR CAPS	2	QL(12 EA daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)
ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)
PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)
RETROVIR SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 EA daily)
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 EA daily)
STRIBILD	3	QL(1 EA daily)
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
TIVICAY TABS	3	QL(2 EA daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 EA daily)
TYBOST	3	QL(1 EA daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 EA daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 EA daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
CMV Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 EA daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 EA daily)
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	QL(1 EA daily); PA
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ML daily)
<i>acyclovir TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Influenza Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1B	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN PO	4	QL(75 ML daily); PA
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
STENDRA (<i>avanafil</i>)	3	QL(0.134 EA daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 EA daily); PA
TRACLEER TBSO 32 MG (<i>bosentan</i>)	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA	<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA	Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA	<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist			<i>cefaclor SUSR 250 MG/5ML</i>	1B	
UPTRAVI TITRATION TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA	<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA	<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA	<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator			<i>cefprozil TABS</i>	1B	
ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA	<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
Sinus Node Inhibitors			<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
<i>ivabradine hcl TABS</i>	3	QL(2 EA daily); PA	Cephalosporins - 3rd Generation		
Transthyretin Stabilizers			<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
VYNDAMAX	4	QL(1 EA daily); PA	<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
VYND AQEL	4	QL(4 EA daily); PA	<i>cefixime CAPS</i>	1B	
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections			<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
Cephalosporins - 1st Generation			<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B		<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B		<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B		<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B		<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B		Cephalosporins - 4th Generation		
			<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
			Cephalosporins - 5th Generation		
			TEFLARO	3	
			CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
			Combination Contraceptives - Oral		
			AVERI TABS PO	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
FEMLYV TBDP	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0		TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail)
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0		Combination Contraceptives - Vaginal		
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0		ANNOVERA	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0		<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)
LO LOESTRIN FE TABS	0		Emergency Contraceptives		
NATAZIA	0		ELLA	0	
NEXTSTELLIS	0		<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0		Progestin Contraceptives - Injectable		
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)
<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)
<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ML per 90 day(s) retail)
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0		Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0		<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
			OPILL	0	
			SLYND	0	QL(1 EA daily)
			CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Treat Systemic Swelling Conditions			<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
Glucocorticosteroids			<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA	<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA	<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
DEPO-MEDROL SUSP	3		<i>prednisone TBPk</i>	1B	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B		SOLU-CORTEF (hydrocortisone sod succinate)	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B		SOLU-CORTEF 250 MG	3	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B		SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B		SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B		<i>triamcinolone acetanide SUSP 40 MG/ML</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A		Mineralocorticoids		
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B		<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
EMFLAZA SUSP (deflazacort)	4	PA	COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail	Antitussives		
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B		<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
MEDROL TABS	3		<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B		<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B		Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B		<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUEP</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPk</i>	1B		Misc. Respiratory Inhalants		
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B		HYPERSAL NEBU	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBPk</i>	3		NEBUSAL NEBU	1B	
			<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
			Mucolytics		
			<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions			<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
Acne Products			<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	DIFFERIN LOTN	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
AZELEX	3	QL(50 GM per 30 day(s) retail; 50 GM per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)	<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 ML daily)	<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)	Agents for External Genital and Perianal Warts		
			VEREGEN	3	QL(1 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antibiotics - Topical			<i>luliconazole</i>	1B	PA
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)	<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)	<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B		<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)	<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA	<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)
Antifungals - Topical			<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily)	<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail	<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B		OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)			
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)			
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)			
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC	<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC	<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)	<i>tavaborole</i>	1B	PA
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B		Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)			
ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)			
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)			
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC	<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical			COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	6	SP; PA	COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
CARAC CREA (<i>fluorouracil (topical)</i>)	6	PA	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); PA	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN 5 %</i>	1B	QL(2 ML daily); PA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN 2 %</i>	1B	QL(2 ML daily)	<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 EA daily)
LEVULAN KERASTICK SOLR	6	PA	SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA
PANRETIN	6	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)	SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA
TARGRETIN (<i>bexarotene (topical)</i>)	6	SP; PA	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
VALCHLOR	6	PA	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
Antipruritics - Topical			STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)
Antipsoriatics			TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA	Antiseborrheic Products		
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA	<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
			Antivirals - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)	<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
Burn Products			<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
SULFAMYLON CREA	3		<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
Corticosteroids - Topical			<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 GM daily); ST
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily); ST
<i>amcinonide LOTN</i>	3		<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
<i>amcinonide OINT</i>	3		<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
			<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
			<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 GM daily)
			<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diflorasone diacetate</i> CREA	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical)</i> OINT 1 %, 2.5 %	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate</i> OINT	1B	PA	<i>hydrocortisone butyrate</i> CREA	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinolone acetonide</i> CREA 0.01 %	1B		<i>hydrocortisone butyrate</i> OINT	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinolone acetonide</i> CREA 0.025 %	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone butyrate</i> SOLN	1B	QL(5 ML daily)
<i>fluocinolone acetonide</i> OIL	1B	QL(8 ML daily)	<i>hydrocortisone valerate</i> CREA	1B	
<i>fluocinolone acetonide</i> OINT	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone valerate</i> OINT	1B	
<i>fluocinolone acetonide</i> SOLN	1B	QL(4 ML daily)	<i>mometasone furoate</i> CREA	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>mometasone furoate</i> OINT	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluocinonide</i> CREA 0.05 %	1B	QL(2 GM daily)	<i>mometasone furoate</i> SOLN	1B	QL(5 ML daily)
<i>fluocinonide</i> CREA 0.1 %	1B	QL(4 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> CREA 0.5 %	1B	QL(5 GM daily)
<i>fluocinonide</i> GEL	1B		<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> CREA 0.1 %	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>fluocinonide</i> OINT	1B	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> CREA 0.025 %	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>fluocinonide</i> SOLN	1B	QL(2 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> LOTN 0.1 %	1B	QL(6 ML daily)
<i>flurandrenolide</i> CREA	2	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> LOTN 0.025 %	1B	
<i>flurandrenolide</i> LOTN	2	QL(2 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> OINT 0.025 %, 0.1 %	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>fluticasone propionate</i> CREA 0.05 %	1B	QL(4 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> OINT 0.5 %	1B	QL(6 GM daily)
<i>fluticasone propionate</i> LOTN	1B	QL(6 ML daily)	Eczema Agents		
<i>fluticasone propionate</i> OINT	1B	QL(4 GM daily)	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
<i>halcinonide</i> CREA	1B	PA	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
<i>halobetasol propionate</i> CREA	1B	QL(3.5 GM daily)	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
<i>halobetasol propionate</i> OINT	1B	QL(3.5 GM daily)	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
HALOG OINT	3	PA			
<i>hydrocortisone (topical)</i> CREA 1 %, 2.5 %	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC			
<i>hydrocortisone (topical)</i> LOTN 2.5 %	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1B	
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B	
KETONE TEST STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B	
PRECISION XTRA KETONE	1B	
RELION KETONE TEST STRP	1B	
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 EA daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
Diuretic Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 EA daily)
<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>torseamide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 EA daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 EA daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHERA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	6	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	6	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	6	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPK 15 MG (<i>tolvaptan</i>)	4	SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>tolvaptan TBPK 15 MG</i>	4	SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
BIJUVA	3	PA
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.572 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL (<i>estradiol</i>)	3	
<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EVAMIST SOLN	3	
MENEST 2.5 MG	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (estrogens, conjugated)	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
ciprofloxacin hcl TABS	1B	
ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML	3	
levofloxacin in d5w 500 MG/100ML	1B	
levofloxacin SOLN PO	1B	
levofloxacin TABS 500 MG	1A	
levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG	1B	
moxifloxacin hcl in sodium chloride	1B	
moxifloxacin hcl TABS	1B	
ofloxacin 300 MG, 400 MG	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
5-HT4 Receptor Agonists		
MOTEGRITY (prucalopride succinate)	3	QL(1 EA daily); PA
prucalopride succinate	1B	QL(1 EA daily)
Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)		
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
ursodiol CAPS	1B	QL(3 EA daily)
ursodiol TABS	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
lubiprostone	1B	QL(2 EA daily)
Gastrointestinal Stimulants		
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	1B	
metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	1B	QL(60 ML daily)
metoclopramide hcl TABS	1A	QL(6 EA daily)
Inflammatory Bowel Agents		
balsalazide disodium CAPS	1B	QL(9 EA daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
mesalamine CP24	1B	
mesalamine CPDR	1B	
mesalamine ENEM	3	
mesalamine SUPP	3	
mesalamine TBEC 800 MG	3	QL(6 EA daily)
mesalamine TBEC 1.2 GM	3	
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
sulfasalazine TABS	1B	
sulfasalazine TBEC	1B	
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 EA daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS -		
Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 EA daily); PA
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 EA daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 EA daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 EA daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIO 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT, 4000 UNIT	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		
TAVALISSE	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
BRILINTA 60 MG, 90 MG (<i>ticagrelor</i>)	2	QL(2 EA daily)
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ticagrelor 60 MG, 90 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ML daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	RX/OTC
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML, 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTelet	4	QL(3 EA daily); PA
<i>eltrombopag olamine</i> PACK 12.5 MG, 25 MG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>eltrombopag olamine</i> TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	4	QL(1 EA daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 EA daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT	4	SP; PA
PROCRIT	4	SP; PA
PROMACTA PACK 12.5 MG, 25 MG (<i>eltrombopag olamine</i>)	4	QL(1 EA daily); PA
PROMACTA TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG (<i>eltrombopag olamine</i>)	4	QL(1 EA daily); PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
HEMATINIC/FOLIC ACID	1B	QL(1 EA daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate</i> SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML	0	AL(Up to 1 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ferrous sulfate</i> TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG	0	
<i>ferrous sulfate</i> TBEC 325 MG	0	
Stem Cell Mobilizers		
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid</i> TABS	1B	PA
<i>tranexamic acid</i> SOLN 1000 MG/10ML	1B	
<i>tranexamic acid</i> TABS	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital</i> ELIX	1B	
<i>phenobarbital</i> TABS	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl</i> (sleep)	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>quazepam</i>	3	PA
<i>temazepam</i> 7.5 MG, 22.5 MG	1B	QL(1 EA daily)
<i>temazepam</i> 15 MG, 30 MG	1A	QL(1 EA daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon</i> 5 MG	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>tasimelteon CAPS</i>	3	QL(1 EA daily); PA
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
<i>DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin)</i>	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>fidaxomicin TABS 200 MG</i>	1B		K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 EA daily)
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES			K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 EA daily)
Contraceptives			MAXX PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	MAXX MISC	0	QL(2 EA daily)
CAYA DPRH	0		OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)	REALITY LATEX CONDOMS MISC	0	QL(2 EA daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 EA daily)	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 EA daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 EA daily)	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)	TROJAN BARESKIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 EA daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)
FEMCAP DEVI	0		TROJAN ULTRA THIN MISC	0	QL(2 EA daily)
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 EA daily)	TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUE COVER DEVI	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDDERED MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PS PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SENSATION PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SENSATION MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 EA daily)			
KIMONO MISC	0	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)	FREESTYLE LIBRE READER	3	PA
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)	SELECT LANCETS	1B	6.66/day
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B	
TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	QL(2 EA daily)	Parenteral Therapy Supplies		
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0		BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0		EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0		EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0		EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0		EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0		SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0		MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0		Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
Diabetic Supplies			AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	PA	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	PA	UBRELVY	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); ST
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	Migraine Combinations		
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ML daily)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
MINERALS & ELECTROLYTES		
Bicarbonates		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B	
Calcium		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
Electrolyte Mixtures		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B		<i>ringer's</i>	1B	
<i>electrolyte-148</i>	1B		Fluoride		
<i>electrolyte-a</i>	1B		<i>sodium fluoride CHEW</i>	0	QL(1 EA daily)
IONOSOL-MB IN D5W	1B		Magnesium		
ISOLYTE-P IN D5W	1B		<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
ISOLYTE-S	1B		Phosphate		
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B		<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1B	
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B		Potassium		
<i>lactated ringer's</i>	1B		<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
NORMOSOL-M IN D5W	1B		<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
NORMOSOL-R PH 7.4	1B		<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1B		<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B		<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1B	PA
<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B		<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B	
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B	
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B		<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE IN NACL 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1B		Sodium		
			<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B	
			MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
			Chelating Agents		
			<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
			<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)
			<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Immunomodulators		
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	6	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>lenalidomide 20 MG</i>	6	QL(1 EA daily); PA
REVLIMID 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	6	QL(1 EA daily); SP; PA
REVLIMID 20 MG	6	QL(1 EA daily); PA
THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Immunosuppressive Agents		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE SODIUM	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
ENSPRYNG	4	PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
<i>tacrolimus SOLN 5 MG/ML</i>	1B	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
Lymphatic Agents		
SYLVANT	6	PA
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
DEBACTEROL	2	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B		NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)
Throat Products - Misc.			NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>cevimeline hcl</i>	1B		ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B		ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)
MULTIVITAMINS			PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)
Ped MV w/ Fluoride			PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC	PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Prenatal Vitamins			PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	Nasal Steroids		
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms			<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail
Central Muscle Relaxants			<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>baclofen TABS</i>	1B		<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 GM daily); RX/OTC
<i>carisoprodol TABS</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	XHANCE EXHU	3	PA
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)	ALS Agents		
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>riluzole TABS</i>	3	
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B		Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 EA daily)	XEOMIN	3	PA
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B		Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B		<i>atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	3	PA
Direct Muscle Relaxants			NUTRIENTS		
Muscle Relaxant Combinations			Proteins		
<i>orphenadrine w/ aspirin & caff 385 MG-30 MG-25 MG</i>	3	PA	CLINIMIX E/DEXTROSE (5/20)	3	
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus			CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
Nasal Antiallergy			CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
<i>azelastine hcl</i>	1B		OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B		Beta-blockers - Ophthalmic		
Nasal Anticholinergics			<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B		<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B		<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B		<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B		<i>trifluridine</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B		ZIRGAN GEL	2	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B		Ophthalmic Immunomodulators		
Cycloplegic Mydriatics			<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)	Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B		<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Miotics			Ophthalmic Steroids		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B		ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
Ophthalmic Adrenergic Agents			<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)
<i>apraclonidine hcl</i>	1B		<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B		<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
IOPIDINE	3		FML FORTE SUSP	3	PA
Ophthalmic Anti-infectives			LOTEMAX OINT	3	PA
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3		<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
BESIVANCE	3	PA	<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B		MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B		PRED MILD	3	PA
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B		<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
NATACYN	2		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B				
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily)
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetamide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Monoclonal Antibodies		
BEYFORTUS	0	
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML</i>	1B	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>naftillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
<i>LUCEMYRA (lofexidine hcl)</i>	3	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ML daily)	BETASERON KIT	4	QL(0.0357 EA daily); PA
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>memantine hcl TABS</i>	1B		<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B		<i>ingolimod hcl</i>	4	QL(1 EA daily)
Combination Psychotherapeutics			<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B		<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 EA daily)	KESIMPTA	6	QL(0.0144 ML daily); PA
Fibromyalgia Agents			LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 EA daily); PA	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy			PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA	REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA	REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 EA daily); PA	REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA	REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
INGREZZA CPSP	4	QL(1 EA daily); PA	<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 EA daily)
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA	Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
Multiple Sclerosis Agents			<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA	<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA	Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
			NUEDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE KIT	0	
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
NICOTROL NS SOLN	0	
NICOTROL INHA	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPk	4	QL(3 EA daily); PA
Pleural Sclerosing Agents		
SCLEROSOL INTRAPLEURAL AERP	6	PA
STERILE TALC POWDER SUSR	6	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluorocyclines		
XERAVA	4	PA
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 EA daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 EA daily)
EVEXITHROID TABS 180 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID TABS	1B	QL(1 EA daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	0	
TETANUS-DIPHThERIA TOXOIDS TD SUSP	0	
VAXELIS SUSP	0	
VAXELIS SUSY	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Proton Pump Inhibitors			<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)	<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC	<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)	<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC	<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B		<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	1B	QL(2 EA daily)	<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>trospium chloride CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>trospium chloride TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)	Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B		<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 EA daily)	Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
Ulcer Drugs - Prostaglandins			<i>flavoxate hcl</i>	1B	
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 EA daily)	VACCINES		
Ulcer Therapy Combinations			Bacterial Vaccines		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail	ACTHIB SOLR IM	0	
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC	BCG VACCINE	6	PA
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms			BEXSERO 0.5 ML	0	
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)			CAPVAXIVE	0	
			HIBERIX SOLR IJ	0	
			MENACTRA	0	
			MENQUADFI 0.5 ML	0	
			MENVEO SOLR	0	
			PEDVAX HIB SUSP	0	
			PENBRAYA	0	
			PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)
			PNEUMOVAX 23 SOLN	0	
			PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
			PREVNAR 13	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail	FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
TRUMENBA 0.5 ML	0		FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail	FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
Viral Vaccines			FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ABRYSV0	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0		FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AUDENZ EMUL	0		FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AUDENZ PRSY	0		FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0				
COMIRNATY SUSP	0				
COMIRNATY SUSY	0				
ENGRIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail			
ENGRIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail			
FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0	
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MRESVIA	0	
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0	
FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0	
GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0	
GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0	
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail	PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0	
I POL IJ	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0	
JYNNEOS	0		PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0		PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 BIVALENT	0		RECOMBIVAX HB SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0		RECOMBIVAX HB SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
			ROTARIX SUSP	0	
			ROTATEQ SOLN	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
			SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0	
SPIKEVAX SUSP	0	
SPIKEVAX SUSY	0	
TWINRIX SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAQTA	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXX	0	PV
PHEXXI	0	PV

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ML daily)
NIACIN ER TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	35	ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	3	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	70
abacavir sulfate TABS	35	ACTEMRA SOSY	3	AFLURIA SUSP	70
abacavir sulfate-lamivudine	35	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	49	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	53
abiraterone acetate 250 MG	26	ACTHAR GEL	49	AIMOVIG	57
abiraterone acetate 500 MG	26	ACTHIB SOLR IM	69	AIMSCO LUBRICATED MISC	56
ABRAXANE (paclitaxel protein- bound particles)	32	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	31	AKEEGA	26
ABRYSVO	70	acyclovir CAPS	36	AKYNZEO	17
acamprosate calcium	65	acyclovir SUSP	36	albendazole	7
acarbose	15	acyclovir TABS PO	36	albuterol sulfate AERS	10
acebutolol hcl CAPS	37	acyclovir topical CREA	45	albuterol sulfate NEBU	10
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	acyclovir topical OINT	45	albuterol sulfate SYRP	10
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	ADACEL SUSP	68	albuterol sulfate TABS	10
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	68	alclometasone dipropionate CREA	45
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	adapalene CREA	42	alclometasone dipropionate OINT	45
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	adapalene GEL	42	ALDURAZYME	49
acetazolamide CP12	48	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	42	ALECENSA	28
acetazolamide sodium	48	ADCETRIS	25	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	49
acetazolamide TABS 125 MG	48	adefovir dipivoxil	36	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	49
acetazolamide TABS 250 MG	48	ADEMPAS	39	ALFERON N	31
acetic acid (otic)	64	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	68	alfuzosin hcl	52
acetic acid 0.25 %	52	ADVATE	53	ALIMTA SOLR 100 MG (pemetrexed disodium)	24
acetylcysteine SOLN	41	ADYNOVATE	53	ALIMTA SOLR 500 MG (pemetrexed disodium)	24
acitretin 10 MG, 17.5 MG	44	AFINITOR DISPERZ TBSO (everolimus)	28	ALINIA SUSR	21
acitretin 25 MG	44	AFINITOR TABS (everolimus)	28	aliskiren fumarate	21
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	3	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	70	allopurinol 100 MG, 300 MG	52
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	3	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	70		

almotriptan malate 12.5 MG 58	amcinonide LOTN 45	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML 65
almotriptan malate 6.25 MG 58	amcinonide OINT 45	amoxicillin TABS 65
ALOCRIIL 64	amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML 2	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK 69
alogliptin benzoate 16	amiloride & hydrochlorothiazide ... 48	amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG 1
alogliptin-metformin hcl 15	amiloride hcl TABS 48	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG 1
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG 15	aminocaproic acid TABS 54	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG 1
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG 15	amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML . 8	amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG 1
ALOMIDE 64	amiodarone hcl TABS 8	amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG 1
alosetron hcl 52	amitriptyline hcl TABS 14	amphotericin b IV 18
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG 8	amlodipine besylate TABS 37	amphotericin b liposome 18
alprazolam TABS 2 MG 8	amlodipine besylate-atorvastatin calcium 38	ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM 65
alprazolam TB24 8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20	ampicillin CAPS 500 MG 65
alprazolam TBDP 8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil 20	ampicillin sodium IV 10 GM 65
ALPROLIX 53	amlodipine besylate-valsartan 20	anagrelide hcl 53
ALREX SUSP (loteprednol etabonate) 63	amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide 20	anastrozole 26
ALTABAX 43	amoxapine 14	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR 7
ALTUVIIIO 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT, 4000 UNIT 53	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 65	ANNOVERA 40
ALUNBRIG TABS 28	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 65	ANORO ELLIPTA 25 MCG/ACT-62.5 MCG/ACT (umeclidinium-vilanterol) 10
ALUNBRIG TBPK 29	amoxicillin & pot clavulanate TABS 65	ANZEMET TABS 50 MG 17
ALVESCO 9	amoxicillin & pot clavulanate TB12 65	APIDRA SOLN 16
alvimopan 52	amoxicillin CAPS 65	APIDRA SOLOSTAR SOPN 16
amantadine hcl CAPS 33	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 65	apomorphine hydrochloride SOCT 33
amantadine hcl SOLN 33	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML 65	
amantadine hcl TABS 33		
ambrisentan 38		
amcinonide CREA 45		

apraclonidine hcl	63	asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	34	AUSTEDO XR TB24	66
aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG .	18	ASPARLAS	31	avanafil	38
aprepitant CAPS 80 MG	18	aspirin CHEW	5	AVASTIN 100 MG/4ML	25
aprepitant CAPS	18	aspirin TABS 325 MG	5	AVERI TABS PO	39
APTIOM 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG (eslicarbazepine acetate) .	12	aspirin TBEC 325 MG	5	AVGEMSI SOLN 1 GM/26.3ML, 2 GM/52.6ML	24
APTIVUS CAPS	35	aspirin TBEC 81 MG	5	AVMAPKI FAKZYNJA CO-PACK THPK PO	28
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML, 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	53	aspirin-dipyridamole	53	AVONEX PEN AJKT	66
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	54	atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	35	AVONEX PREFILLED PSKT	66
ARCALYST	3	atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	35	AYVAKIT	27
AREXVY	70	atenolol & chlorthalidone	20	azacitidine SUSR	24
arformoterol tartrate	10	atenolol TABS	37	AZATHIOPRINE SODIUM	60
ARIKAYCE	2	ATGAM	60	azathioprine TABS	60
ARIMIDEX (anastrozole)	26	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	AZEDRA DOSIMETRIC	31
aripiprazole SOLN PO	35	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	AZEDRA THERAPEUTIC	31
aripiprazole TABS	35	atorvastatin calcium TABS	19	azelaic acid GEL	47
armodafinil	1	atovaquone	21	azelastine hcl (ophth)	64
ARMOUR THYROID TABS	68	atovaquone-proguanil hcl	22	azelastine hcl	62
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation))	9	atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML	62	AZELEX	42
AROMASIN (exemestane)	26	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	68	azithromycin PACK	55
ARRANON (nelarabine)	24	ATROVENT HFA	9	azithromycin SOLR	55
arsenic trioxide 10 MG/10ML	31	AUDENZ EMUL	70	azithromycin SUSR	55
arsenic trioxide 12 MG/6ML	31	AUDENZ PRSY	70	azithromycin TABS 250 MG	55
ARZERRA	25	AUGTYRO	29	azithromycin TABS 500 MG	55
ascorbic acid SOLN IJ	72	AURANOFIN 3 MG	3	azithromycin TABS 600 MG	55
asenapine maleate 2.5 MG	34	AUSTEDO TABS	66	aztreonam 1 GM	22
		AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK	66	bacitracin (ophthalmic)	63
				baclofen TABS	62
				balsalazide disodium CAPS	51
				BALVERSA	29

BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) . 12	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 % .42	bexarotene 31
BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) . 12	benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 42	BEXSERO 0.5 ML 69
BAVENCIO25	benztropine mesylate SOLN33	BEYFORTUS64
BAXDELA SOLR51	benztropine mesylate TABS33	bicalutamide26
BAXDELA TABS51	bepotastine besilate64	BICNU (carmustine)23
BCG VACCINE69	BESIVANCE63	BIJUVA50
BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN . 57	BESPONSA25	BIKTARVY35
BELEODAQ29	betaine49	bimatoprost SOLN64
BELRAPZO SOLN23	betamethasone dipropionate (topical) CREA45	bisacodyl SUPP55
BELSOMRA55	betamethasone dipropionate (topical) LOTN45	bisacodyl TBEC55
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...20	betamethasone dipropionate (topical) OINT45	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..20
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG .. 20	betamethasone dipropionate augmented CREA45	bisoprolol fumarate37
benazepril hcl20	betamethasone dipropionate augmented LOTN45	bleomycin sulfate 15 UNIT28
BENDAMUSTINE HCL SOLN23	betamethasone dipropionate augmented OINT45	bleomycin sulfate 30 UNIT28
bendamustine hcl SOLR23	betamethasone valerate CREA ...45	BLINCYTO25
BENDEKA SOLN23	betamethasone valerate FOAM ...45	BONJESTA TBCR18
BENEFIX KIT53	betamethasone valerate LOTN ...45	BOOSTRIX SUSP68
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 42	betamethasone valerate OINT45	BOOSTRIX SUSY68
BENZEPRO FOAM 5.3 %42	BETASERON KIT66	BORTEZOMIB SOLN IV29
benzonatate 100 MG41	betaxolol hcl (ophth) SOLN62	BORTEZOMIB SOLR IJ 1 MG, 2.5 MG29
benzonatate 150 MG41	betaxolol hcl37	bortezomib SOLR IJ29
benzonatate 200 MG41	bethanechol chloride 25 MG69	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..29
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %42	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG69	bosentan TABS 125 MG38
benzoyl peroxide GEL 10 %42	BEVESPI AEROSPHERE10	bosentan TABS 62.5 MG38
benzoyl peroxide GEL 5 %42	bexarotene (topical)44	bosentan TBSO 32 MG38
		BOSULIF CAPS29
		BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG 29
		BOSULIF TABS 400 MG29
		BRAFTOVI 75 MG29

BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-vilanterol)	10	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7	butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7
BREO ELLIPTA	10	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7	cabergoline	50
BREZTRI AEROSPHERE	10	buprenorphine PTWK	7	CABOMETYX TABS	29
BRILINTA 60 MG, 90 MG (ticagrelor) 53		bupropion hcl (smoking deterrent) 67		calcipotriene CREA	44
brimonidine tartrate (topical)	47	bupropion hcl TABS	14	calcipotriene OINT	44
brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 63		bupropion hcl TB12	14	calcipotriene SOLN	44
brimonidine tartrate-timolol maleate . 63		bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG	14	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	45
brinzolamide	64	buspirone hcl 5 MG	8	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	45
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML ...	12	buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8	calcitonin (salmon) NA	49
BRIVIACT TABS	12	busulfan SOLN	23	calcitriol (topical)	44
bromfenac sodium (ophth)	64	BUSULFEX SOLN (busulfan)	23	calcitriol CAPS	50
bromocriptine mesylate CAPS	33	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5	calcitriol SOLN IV	50
bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	33	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	52
BRUKINSA	29	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) TABS	52
BRUKINSA PO 160 MG	29	butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	5	calcium chloride (dihydrate) SOLN	58
budesonide (inhalation) SUSP	9	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	calcium polycarbophil TABS	55
budesonide (intrarectal)	7	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	CALQUENCE	29
budesonide (nasal)	62	butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5	CAMCEVI	26
budesonide CPEP	41	butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	CAMPTOSAR 300 MG/15ML (irinotecan hcl)	33
budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10	butenafine hcl	43	CAMPTOSAR 40 MG/2ML, 100 MG/5ML (irinotecan hcl)	33
bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	48	butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	candesartan cilexetil	20
bumetanide TABS	48			candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide	20
buprenorphine hcl SOLN	7			capecitabine	24
buprenorphine hcl SUBL	7			CAPRELSA	29
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7			captopril 12.5 MG	20

captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG . 20	CAYA DPRH56	cevimeline hcl 61
CAPVAXIVE69	cefaclor CAPS 39	CHEMET 17
CARAC CREA (fluorouracil (topical)) 44	cefaclor SUSR 250 MG/5ML39	CHEMSTRIP K STRP 47
carbamazepine CHEW 100 MG ... 12	cefadroxil CAPS39	chloramphenicol sodium succinate 22
carbamazepine CP12 100 MG12	cefadroxil SUSR 39	chlordiazepoxide hcl CAPS 8
carbamazepine CP12 200 MG12	cefadroxil TABS39	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide68
carbamazepine CP12 300 MG12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG 39	chlordiazepoxide-amitriptyline 66
carbamazepine SUSP 12	cefdinir CAPS39	chlorhexidine gluconate (mouth- throat) 60
carbamazepine TABS12	cefdinir SUSR39	chloroquine phosphate TABS 250 MG 22
carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG 12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM39	chloroquine phosphate TABS 500 MG 22
carbamazepine TB12 200 MG12	cefixime CAPS 39	chlorpromazine hcl SOLN 34
carbidopa33	cefixime SUSR39	chlorpromazine hcl TABS34
carbidopa-levodopa TABS33	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM 39	chlorthalidone 25 MG, 50 MG 48
carbidopa-levodopa TBCR33	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...39	chlorzoxazone TABS 500 MG 62
carbidopa-levodopa TBDP33	cefpodoxime proxetil SUSR39	chlorzoxazone TABS 750 MG 62
carbidopa-levodopa-entacapone ..33	cefpodoxime proxetil TABS39	CHOLBAM51
carbinoxamine maleate SOLN18	cefprozil SUSR39	cholecalciferol CAPS72
carbinoxamine maleate TABS 4 MG . 18	cefprozil TABS 39	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT72
carboplatin SOLN 150 MG/15ML, 450 MG/45ML, 600 MG/60ML23	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM 39	cholestyramine light PACK 19
carboplatin SOLN 50 MG/5ML23	ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG39	cholestyramine light POWD19
carisoprodol TABS62	ceftriaxone sodium IJ 250 MG39	cholestyramine PACK19
carmustine23	cefuroxime axetil TABS39	cholestyramine POWD19
carteolol hcl (ophth) 63	cefuroxime sodium IJ 750 MG39	choline fenofibrate19
carvedilol 37	celecoxib4	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 49
carvedilol phosphate 37	cephalexin CAPS 39	ciclopirox GEL 43
CASODEX (bicalutamide)26	cephalexin SUSR 39	
caspofungin acetate18	CERDELGA53	
	CEREZYME 400 UNIT53	
	cetirizine hcl TABS18	

ciclopirox olamine CREA	43	CLIMARA PRO	50	clobetasol propionate GEL 0.05 %	45
ciclopirox olamine SUSP	43	clindamycin hcl	22	clobetasol propionate OINT 0.05 %	45
ciclopirox SHAM	43	clindamycin palmitate hydrochloride .	22	clobetasol propionate SOLN 0.05 % .	45
ciclopirox SOLN	43	clindamycin phosphate (topical)			
cidofovir	36	FOAM	42	clocortolone pivalate	45
cilostazol	53	clindamycin phosphate (topical) GEL	42	clofarabine	24
CIMDUO	35	LOTN	42	CLOLAR (clofarabine)	24
cimetidine TABS	68	clindamycin phosphate (topical)		clomiphene citrate TABS	49
cinacalcet hcl	50	LOTN	42	clomipramine hcl	14
ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	63	clindamycin phosphate (topical)		clonazepam TABS	12
ciprofloxacin hcl (otic)	64	SOLN	42	clonidine hcl (adhd) TB12	1
ciprofloxacin hcl TABS	51	clindamycin phosphate (topical)		clonidine hcl TABS	20
		SWAB	42	clonidine PTWK	20
ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML .	51	clindamycin phosphate SOLN IJ 9		clopidogrel bisulfate 300 MG	53
		GM/60ML, 300 MG/2ML, 600		clopidogrel bisulfate 75 MG	53
ciprofloxacin-dexamethasone	64	MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000		clorazepate dipotassium TABS	8
		MG/60ML	22	clotrimazole (topical) CREA	43
ciprofloxacin-fluocinolone acetonide .	64	clindamycin phosphate vaginal CREA		clotrimazole (topical) SOLN	43
			72	clotrimazole	60
cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23	clindamycin phosphate-benzoyl		clotrimazole vaginal CREA 1 %	72
cisplatin SOLN 50 MG/50ML, 200		peroxide (refrigerate)	42	clotrimazole w/ betamethasone	
MG/200ML	23	clindamycin phosphate-benzoyl		CREA	43
CISPLATIN SOLR	23	peroxide GEL 5 %-1 %	42	clotrimazole w/ betamethasone	
citalopram hydrobromide SOLN ...	14	clindamycin phosphate-tretinoin ..	42	LOTN	43
citalopram hydrobromide TABS ...	14	CLINIMIX E/DEXTROSE (5/20) ..	62	clozapine TABS	34
cladribine 10 MG/10ML	24	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) ..	62	clozapine TBDP 100 MG	34
clarithromycin SUSR	55	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...	62	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG	34
clarithromycin TABS	55	clobazam SUSP	12		
clarithromycin TB24	55	clobazam TABS	12	clozapine TBDP 25 MG	34
CLASSIC PRENATAL TABS	61	clobetasol propionate CREA 0.05 % .	45	COARTEM	22
clemastine fumarate SYRP	18			codeine sulfate TABS 30 MG	5
clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	18	clobetasol propionate emollient base			
		0.05 %	45		
		clobetasol propionate FOAM	45		

CODEINE SULFATE TABS	5	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML ..	44	MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	2
colchicine TABS	52	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	44	CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 20	
colchicine w/ probenecid	52	COSMEGEN (dactinomycin)	28	MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3
colesevelam hcl PACK	19	COTELLIC	29	CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER	
colesevelam hcl TABS	19	CREON CPEP	48	AJKT	3
colestipol hcl GRAN	19	CRESEMBA CAPS 186 MG	18	CYLTEZO-PSORIASIS/UV	
colestipol hcl PACK	19	cromolyn sodium (ophth)	64	STARTER AJKT	3
colestipol hcl TABS	19	cromolyn sodium NEBU	9	cyproheptadine hcl SYRP	19
COMBIVENT RESPIMAT AERS ..	10	crotamiton LOTN	47	cyproheptadine hcl TABS	19
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE)		CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6		CYRAMZA	25
KIT	29	MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7		CYSTAGON CAPS	52
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE)		MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-		CYSTARAN	64
KIT	29	263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	61	cytarabine SOLN 20 MG/ML	24
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE)		cyanocobalamin SOLN IJ 1000		cytarabine SOLN	24
KIT	29	MCG/ML	53	dabigatran etexilate mesylate CAPS .	
COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP	10	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10		11	
MCG/0.3ML	70	MG	62	dacarbazine SOLR 100 MG	31
COMIRNATY SUSP	70	cyclophosphamide CAPS	23	dacarbazine SOLR 200 MG	31
COMIRNATY SUSY	70	cyclophosphamide SOLN 1 GM/5ML,		dactinomycin	28
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG		500 MG/2.5ML	23	dalfampridine	66
(emtricitabine-rilpivirine-tenofovir		CYCLOPHOSPHAMIDE SOLN 1		danazol CAPS	7
disoproxil fumarate)	35	GM/5ML, 500 MG/2.5ML	23	dantrolene sodium CAPS	62
CONTRACE	1	cyclophosphamide SOLR IJ	23	DANZITEN	29
COPIKTRA	29	cycloserine	23	dapagliflozin propanediol	16
CORDRAN TAPE	45	cyclosporine (ophth) EMUL	63	dapagliflozin propanediol-metformin	
CORTISPORIN-TC	64	cyclosporine CAPS	60	hcl 1000 MG-10 MG	15
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY .		cyclosporine modified (for		dapagliflozin propanediol-metformin	
44		microemulsion) CAPS	60	hcl 1000 MG-5 MG	15
COSENTYX SENSOREADY (300		cyclosporine modified (for		dapsone	22
MG) SOAJ	44	microemulsion) SOLN	60	DAPTACEL	68
COSENTYX SENSOREADY PEN		cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	60	daptomycin 500 MG	22
SOAJ	44	CYLTEZO (2 PEN) AJKT	2	darifenacin hydrobromide	69
COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	44	CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 10			

darunavir TABS 600 MG35	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 50	dexmethylphenidate hcl CP24 1
darunavir TABS 800 MG35		dexmethylphenidate hcl TABS 1
DARZALEX25	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 50	dexrazoxane hcl32
DARZALEX FASPRO28	desogestrel & ethinyl estradiol40	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG1
dasatinib29	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)40	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG1
DAUNORUBICIN HCL SOLN (daunorubicin hcl)28	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)40	dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1
daunorubicin hcl SOLN28	desonide CREA45	
DAURISMO26	desonide LOTN45	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG1
DEBACTEROL60	desonide OINT45	dextrose in lactated ringers59
decitabine24	desoximetasone CREA 0.25 %45	DIACOMIT CAPS 250 MG12
deferasirox PACK17	desoximetasone GEL45	DIACOMIT CAPS 500 MG12
deferasirox TABS17	desoximetasone OINT 0.25 %45	DIACOMIT PACK 250 MG12
deferasirox TBSO17	desvenlafaxine succinate14	DIACOMIT PACK 500 MG12
deflazacort SUSP41	dexamethasone ELIX41	diazepam (anticonvulsant) GEL ... 12
deflazacort TABS41	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC41	diazepam CONC8
DELSTRIGO35	dexamethasone sodium phosphate (ophth)63	diazepam SOLN PO 5 MG/5ML8
demeclocycline hcl TABS67	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML41	diazepam TABS8
DEPO-ESTRADIOL50	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML41	diazoxide16
DEPO-MEDROL SUSP41	dexamethasone SOLN41	dichlorphenamide48
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC40	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG41	diclofenac epolamine PTCH EX ...44
desipramine hcl TABS14	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG41	diclofenac potassium TABS 50 MG .4
desloratadine TABS18		diclofenac sodium (actinic keratoses) EX44
desloratadine TBDP 2.5 MG18		diclofenac sodium (ophth)64
desmopressin acetate SOLN IJ ...50	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18	diclofenac sodium (topical) GEL EX 44
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA50	dexlansoprazole69	diclofenac sodium TB244
desmopressin acetate spray50		diclofenac sodium TBEC4
desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %50		

diclofenac w/ misoprostol TBEC 4	37	DOCETAXEL SOLN 20 MG/2ML (docetaxel)	32
dicloxacillin sodium	65	docetaxel SOLN 20 MG/2ML	32
dicyclomine hcl CAPS	68	DOCETAXEL SOLN 80 MG/8ML, 160 MG/16ML (docetaxel)	32
dicyclomine hcl SOLN PO	68	docetaxel SOLN 80 MG/8ML, 160 MG/16ML	32
dicyclomine hcl TABS	68	DOCIVYX SOLN 20 MG/2ML	32
DIFFERIN LOTN	42	DOCIVYX SOLN 80 MG/8ML, 160 MG/16ML	32
DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin) 55		docusate calcium	55
diflorasone diacetate CREA	46	docusate sodium CAPS 100 MG ..	55
diflorasone diacetate OINT	46	docusate sodium CAPS 250 MG ..	55
diflunisal TABS	5	dofetilide	9
difluprednate	63	donepezil hydrochloride TABS 10 MG	65
digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML	38	donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	65
digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	38	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	65
dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	58	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 65	
dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	58	DOPTelet	54
DILANTIN (phenytoin sodium extended)	13	dorzolamide hcl	64
DILANTIN	13	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	63
DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	13	DOVATO	35
DILANTIN SUSP (phenytoin)	13	doxazosin mesylate	20
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	13	doxepin hcl (antipruritic)	44
diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	37	doxepin hcl (sleep)	54
diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	37	doxepin hcl CAPS	14
diltiazem hcl CP12	37	doxepin hcl CONC	14
diltiazem hcl CP24	37	doxercalciferol CAPS	50
diltiazem hcl extended release beads		doxercalciferol SOLN	50
diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	37		
DILTIAZEM HCL SOLR	37		
diltiazem hcl TABS	37		
diltiazem hcl TB24	38		
dimethyl fumarate CDPK	66		
dimethyl fumarate CPDR	66		
DIPENTUM	51		
diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18			
diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18		
diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML	18		
diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	18		
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	17		
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17		
dipyridamole	53		
disopyramide phosphate CAPS	8		
disulfiram	65		
divalproex sodium TB24	13		
divalproex sodium TBEC	13		
DOCETAXEL CONC 20 MG/ML (docetaxel)	32		
docetaxel CONC 20 MG/ML	32		
DOCETAXEL CONC 20 MG/ML ...	32		
DOCETAXEL CONC 80 MG/4ML, 160 MG/8ML (docetaxel)	32		
docetaxel CONC 80 MG/4ML, 160 MG/8ML	32		
DOCETAXEL CONC 80 MG/4ML, 160 MG/8ML	32		

DOXIL SUSP (doxorubicin hcl liposomal)	28	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	46	ELLEENCE SOLN 200 MG/100ML ..	28
doxorubicin hcl liposomal SUSP ...	28	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	56	ELLEENCE SOLN 50 MG/25ML	28
DOXORUBICIN HCL SOLN (doxorubicin hcl)	28	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	56	ELMIRON CAPS	52
doxorubicin hcl SOLN	28	DUREX TROPICAL MISC	56	ELOCTATE	53
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	28	dutasteride	52	eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG	54
doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	67	dutasteride-tamsulosin hcl	52	eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	54
doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	67	econazole nitrate CREA	43	ELZONRIS	32
doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	67	EDARBI	20	EMBECTA AUTOSHIELD DUO ..	57
doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	67	EDURANT	35	EMBECTA PEN NEEDLE NANO ..	57
doxycycline hyclate CAPS	67	efavirenz CAPS 200 MG	35	EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	57
doxycycline hyclate SOLR	67	efavirenz CAPS 50 MG	35	EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	57
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	67	efavirenz TABS	35	EMCYT	27
doxylamine-pyridoxine TBEC	18	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	35	EMFLAZA SUSP (deflazacort)	41
dronabinol CAPS	18	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	35	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY 57	
drospirenone-ethinyl estradiol	40	EGRIFTA SV	49	EMGALITY SOAJ	57
drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium	40	ELAPRASE	50	EMGALITY SOSY	57
DROXIA CAPS	53	electrolyte-148	59	EMPLICITI	25
DUAVEE	50	electrolyte-a	59	EMSAM	14
DULERA	10	ELESTRIN GEL	50	emtricitabine CAPS	35
duloxetine hcl CPEP	14	eletriptan hydrobromide	58	emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate	35
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 46		ELIGARD KIT SC 7.5 MG	26	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	35
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	46	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	26	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	35
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 46		ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	11	EMTRIVA SOLN	35
		ELIQUIS TABS	11	EMVERM CHEW	7
		ELITEK	32		
		ELLA	40		

enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ .. 72	erythromycin base TBEC 55
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	eplerenone 21	erythromycin ethylsuccinate SUSR 55
enalapril maleate TABS 20	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML 54	erythromycin ethylsuccinate TABS 55
ENBREL MINI SOCT 4	epoprostenol sodium 38	escitalopram oxalate SOLN 14
ENBREL SOLN 4	EQL PRENATAL FORMULA TABS 61	escitalopram oxalate TABS 14
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML 4	EQUETRO 100 MG 34	eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG 12
ENBREL SOSY 50 MG/ML 4	EQUETRO 200 MG 34	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG 69
ENBREL SURECLICK SOAJ 4	EQUETRO 300 MG 34	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG 69
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ... 70	ERAXIS 18	esomeprazole magnesium TBEC . 69
ENGERIX-B SUSY 70	ERBITUX 26	ESPEROCT 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT 53
ENHERTU 25	ergocalciferol CAPS 72	estazolam 54
enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML 11	ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML 72	estradiol GEL 50
enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML 11	ergoloid mesylates TABS 67	estradiol PTTW 50
enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML 11	ERGOMAR SUBL 58	estradiol PTWK 50
enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML 11	ergotamine w/ caffeine TABS 57	estradiol TABS 50
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML 11	eribulin mesylate 32	estradiol vaginal CREA 72
enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML 11	ERIVEDGE 26	estradiol vaginal TABS 72
ENSACOVE CAPS PO 25 MG, 100 MG 29	ERLEADA 240 MG 27	estradiol valerate 50
ENSPRYNG 60	ERLEADA 60 MG 27	ESTROGEL GEL (estradiol) 50
entacapone 33	erlotinib hcl 26	estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG 50
entecavir TABS 36	ERTACZO 43	eszopiclone 54
EPIDIOLEX 12	ertapenem sodium IJ 22	ethacrynic acid 48
epinastine hcl (ophth) 64	erythromycin (acne aid) PADS 42	ethambutol hcl TABS 23
	erythromycin (acne aid) SOLN 42	ethosuximide CAPS 13
	erythromycin (ophth) 63	ethosuximide SOLN 13
	erythromycin base CPEP 55	
	erythromycin base TABS 55	

ethynodiol diacet & eth estrad	40	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	68	fentanyl citrate LPOP	5
ETHYOL	32	famotidine SUSR	68	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5
etodolac CAPS	4	famotidine TABS 20 MG, 40 MG	68	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML	54
etodolac TABS	4	FANAPT	34	ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG	54
etonogestrel-ethinyl estradiol	40	FANAPT TITRATION PACK A	34	ferrous sulfate TBEC 325 MG	54
ETOPOPHOS	32	FANTASY LUBRICATED MISC	56	fesoterodine fumarate	69
etoposide CAPS	32	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	56	FETZIMA CP24	14
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	32	FARESTON (toremifene citrate)	27	FETZIMA TITRATION C4PK	14
etravirine 100 MG	35	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	17	fidaxomicin TABS 200 MG	56
etravirine 200 MG	35	FASENRA PEN SOAJ	9	finasteride	52
EUCRISA	47	FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	9	fingolimod hcl	66
EULEXIN	27	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9	FIRDAPSE	23
EVAMIST SOLN	50	FC2 FEMALE CONDOM	56	FIRMAGON (240 MG DOSE)	27
everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	60	febuxostat	52	FIRMAGON 80 MG	27
everolimus (immunosuppressant) 1 MG	60	felbamate SUSP	13	flavoxate hcl	69
everolimus TABS	29	felbamate TABS 400 MG	13	flecainide acetate	8
everolimus TBSO	29	felbamate TABS 600 MG	13	floxuridine	24
EVEXITHROID TABS 180 MG	68	felodipine	38	FLUAD	70
EVOMELA IV	23	FEMARA (letrozole)	27	FLUAD QUADRIVALENT	70
EVOTAZ	35	FEMCAP DEVI	56	FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	70
exemestane	27	FEMLYV TBDP	40	FLUARIX SUSY	70
EXKIVITY	26	FEMRING	72	FLUBLOK QUADRIVALENT	70
ezetimibe	19	fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG	19	FLUBLOK SOSY	70
ezetimibe-simvastatin	19	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	70
famciclovir 125 MG, 250 MG	36	fenoprofen calcium TABS	4	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	70
famciclovir 500 MG	36	FENSOLVI (6 MONTH) SC	49	FLUCELVAX SUSP	70
famotidine in nacl SOLN	68				
famotidine SOLN 20 MG/2ML	68				

FLUCELVAX SUSY	70	fluorouracil (topical) SOLN 2 %	44	fluticasone propionate LOTN	46
fluconazole SUSR	18	fluorouracil (topical) SOLN 5 %	44	fluticasone propionate OINT	46
fluconazole TABS	18	fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5		fluticasone-salmeterol AEPB 100	
flucytosine	18	GM/50ML, 5 GM/100ML	24	MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250	
fludarabine phosphate SOLN	24	fluorouracil 500 MG/10ML	24	MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500	
FLUDARABINE PHOSPHATE SOLN		fluoxetine hcl CAPS 10 MG	14	MCG/ACT-50 MCG/ACT	10
.....	24	fluoxetine hcl CAPS 20 MG, 40 MG		fluticasone-salmeterol AERO	10
fludarabine phosphate SOLR	24	14		fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...	19
fludrocortisone acetate TABS	41	fluoxetine hcl CPDR	14	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...	19
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY .		fluoxetine hcl SOLN	14	fluvoxamine maleate TABS	14
70		fluoxetine hcl TABS	14	FLUZONE HIGH-DOSE	
FLULAVAL SUSY	70	fluphenazine hcl CONC	34	QUADRIVALENT	71
FLUMIST	70	fluphenazine hcl ELIX	34	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	71
FLUMIST QUADRIVALENT	70	fluphenazine hcl SOLN	34	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	
flunisolide (nasal)	62	fluphenazine hcl TABS 1 MG	34	71	
fluocinolone acetonide (otic)	64	fluphenazine hcl TABS 2.5 MG, 5		FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	
fluocinolone acetonide CREA 0.01 %		MG, 10 MG	34	71	
46		flurandrenolide CREA	46	FLUZONE SUSP	71
fluocinolone acetonide CREA 0.025		flurandrenolide LOTN	46	FLUZONE SUSY	71
%	46	flurazepam hcl	54	FML FORTE SUSP	63
fluocinolone acetonide OIL	46	flurbiprofen sodium	64	folic acid TABS	53
fluocinolone acetonide OINT	46	flurbiprofen TABS	4	FOLOTYN 20 MG/ML	24
fluocinolone acetonide SOLN	46	fluticasone furoate (inhalation) 50		FOLOTYN 40 MG/2ML	24
fluocinonide CREA 0.05 %	46	MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200		fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML	
fluocinonide CREA 0.1 %	46	MCG/ACT	9	11	
fluocinonide emulsified base	46	fluticasone furoate-vilanterol	10	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML .	
fluocinonide GEL	46	fluticasone propionate (inhalation)		11	
fluocinonide OINT	46	AEPB	9	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11	
fluocinonide SOLN	46	fluticasone propionate (nasal) SUSP .		fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML .	
fluorometholone (ophth) SUSP	63	62		11	
fluorouracil (topical) CREA 5 %	44	fluticasone propionate CREA 0.05 %		FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	
		46			47
		fluticasone propionate hfa	9	FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6	
				CON	47

formoterol fumarate NEBU	10	(perampanel)	11	(gemcitabine hcl)	24
FOSAMAX PLUS D	49	FYCOMPA TABS 4 MG		gemcitabine hcl SOLN	24
fosamprenavir calcium TABS	35	(perampanel)	11	GEMCITABINE HCL SOLN	24
fosfomycin tromethamine	22	FYCOMPA TABS 6 MG		gemcitabine hcl SOLR 1 GM	24
fosinopril sodium &		(perampanel)	11	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200	
hydrochlorothiazide	20	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12		MG	24
fosinopril sodium	20	MG (perampanel)	11	gemfibrozil TABS	19
fosphenytoin sodium	13	gabapentin CAPS	12	GENOTROPIN CART SC	49
FOTIVDA	29	gabapentin SOLN	12	GENOTROPIN MINIQUEL PRSY 49	
FRAGMIN SOSY	11	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG		gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9	
FREESTYLE LIBRE 14 DAY		12		%, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9	
READER	57	galantamine hydrobromide CP24 ..	65	%, 1.6 MG/ML-0.9 %	2
FREESTYLE LIBRE 14 DAY		galantamine hydrobromide SOLN ..	66	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	63
SENSOR	57	galantamine hydrobromide TABS ..	66	gentamicin sulfate (topical) CREA ..	43
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS		GAMMAGARD 1 GM/10ML, 2.5		gentamicin sulfate (topical) OINT ..	43
SENSOR	57	GM/25ML, 5 GM/50ML, 10		gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML	2
FREESTYLE LIBRE 2 READER ..	57	GM/100ML, 20 GM/200ML	64	GENVOYA	35
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..	57	GAMMAGARD 30 GM/300ML	64	GILOTRIF	26
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS		GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR		glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML .	
SENSOR	57		64	66	
FREESTYLE LIBRE 3 READER ..	57	GAMMAKED 1 GM/10ML, 5		glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML .	
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..	57	GM/50ML, 10 GM/100ML, 20		66	
FREESTYLE LIBRE READER	57	GM/200ML	64	GLEEVEC TABS (imatinib mesylate)	
frovatriptan succinate	58	GAMUNEX-C	64	29	
FRUZAQLA	25	ganciclovir sodium SOLR	36	GLEOSTINE 10 MG, 40 MG, 100 MG	
FT PRENATAL TABS	61	ganirelix acetate	49		24
fulvestrant SOSY	27	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	71	glimepiride 1 MG, 2 MG	17
furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10		GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	71	glimepiride 4 MG	17
MG/ML	48	gatifloxacin (ophth)	63	glipizide TABS 5 MG, 10 MG	17
furosemide TABS	48	GAVRETO	29	glipizide TB24	17
FUZEON SOLR	35	GAZYVA	25	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5	
FYCOMPA TABS 2 MG		gefitinib	26	MG, 500 MG-2.5 MG	15
		GEMCITABINE HCL SOLN		glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG.	

15	HAEGARDA SOLR SC	53	AJKT	3	
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	47	HALAVEN (eribulin mesylate)	32	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	3
glucagon SOLR IJ 1 MG	16	halcinonide CREA	46	HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	3
glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	17	halobetasol propionate CREA	46	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	3
glyburide TABS	17	halobetasol propionate OINT	46	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	3
glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	15	HALOG OINT	46	HUMIRA-PSORIASIS/UEVIT STARTER AJKT	3
glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	15	haloperidol decanoate	34	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	16
glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %	52	haloperidol lactate CONC	34	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	16
glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 68		haloperidol lactate SOLN	34	HYCANTIN CAPS	33
glycopyrrolate TABS 1 MG	68	haloperidol TABS	34	HYCANTIN SOLR (topotecan hcl)	33
glycopyrrolate TABS 2 MG	68	HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	71	hydralazine hcl SOLN	21
GLYXAMBI	15	HEMANGEOL SOLN PO	37	hydralazine hcl TABS	21
GNP PRENATAL TABS	61	HEMATINIC/FOLIC ACID	54	hydrochlorothiazide CAPS	48
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	61	HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11		hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 48	
GOHIBIC	53	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11	hydrocodone bitartrate CP12	5
GOJJI BLOOD KETONE TEST	47	HEPLISAV-B SOSY	71	hydrocodone bitartrate T24A	5
GOMEKLI CAPS PO 1 MG, 2 MG	29	HERCEPTIN 150 MG	26	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER	41
GOMEKLI TBSO PO 1 MG	29	HERCEPTIN HYLECTA	28	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	6
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17	HERNEXEOS TABS PO 60 MG	26	hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML	6
granisetron hcl TABS	17	HERZUMA	26	hydrocodone-acetaminophen TABS	
GRASTEK SUBL	2	HIBERIX SOLR IJ	69		
griseofulvin microsize SUSP	18	HUMATROPE CART IJ	49		
griseofulvin microsize TABS	18	HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	3		
griseofulvin ultramicrosize	18	HUMIRA (2 PEN) AJKT	3		
guanfacine hcl (adhd)	1	HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	3		
guanfacine hcl	20	HUMIRA-CD/UC/HS STARTER			
GYNAZOLE-1	72				

300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6	hydromorphone hcl TABS	5	MG/10ML (idarubicin hcl)	28
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6	hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5	idarubicin hcl 20 MG/20ML	28
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	6	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	5	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	28
hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	7	hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22		IDELVION	53
hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	7	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 23		IDHIFA	29
hydrocortisone (intrarectal)	7	hydroxychloroquine sulfate 400 MG 23		IFEX SOLR (ifosfamide)	24
hydrocortisone (rectal) EX	7	hydroxyurea	32	IFEX SOLR	24
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	46	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	24
hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % .	46	hydroxyzine hcl SYRP	8	ifosfamide SOLN 3 GM/60ML	24
hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	46	hydroxyzine hcl TABS	8	ifosfamide SOLR	24
hydrocortisone acetate (rectal)	7	hydroxyzine pamoate CAPS	8	IFOSFAMIDE SOLR	24
hydrocortisone butyrate CREA	46	HYPERSAL NEBU	41	imatinib mesylate TABS	29
hydrocortisone butyrate OINT	46	HYQVIA	64	IMBRUVICA CAPS 140 MG	29
hydrocortisone butyrate SOLN	46	ibandronate sodium SOLN	49	IMBRUVICA CAPS 70 MG	29
hydrocortisone sod succinate 100 MG	41	ibandronate sodium TABS	49	IMBRUVICA SUSP	29
hydrocortisone TABS	41	IBRANCE CAPS	29	IMBRUVICA TABS	29
hydrocortisone vaginal	72	IBRANCE TABS	29	IMFINZI	25
hydrocortisone valerate CREA	46	IBTROZI CAPS PO 200 MG	29	imipenem-cilastatin IV	22
hydrocortisone valerate OINT	46	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML	4	imipramine hcl TABS	14
hydrocortisone w/acetic acid	64	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..	4	imipramine pamoate	14
hydromorphone hcl LIQD	5	ibuprofen TABS 800 MG	4	imiquimod 5 %	47
hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .	5	icatibant acetate SOSY	53	IMITREX STATDOSE SYSTEM	
		ICLUSIG	29	SOAJ 4 MG/0.5ML	58
		icosapent ethyl 1 GM	19	IMKELDI SOLN	29
		IDAMYCIN PFS 20 MG/20ML (idarubicin hcl)	28	IMPAVIDO	21
		IDAMYCIN PFS 5 MG/5ML, 10		INCRELEX	49
				INCRUSE ELLIPTA	9
				indapamide TABS 1.25 MG	48
				indapamide TABS 2.5 MG	48
				indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4	

indomethacin CPR	4	INTELENCE 25 MG	35	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	42
INFANRIX	68	IONOSOL-MB IN D5W	59	isradipine CAPS	38
INFLECTRA SOLR	51	IOPIDINE	63	ISTODAX SOLR (romidepsin)	29
INGREZZA CAPS	66	IPOL IJ	71	ITOVEBI	29
INGREZZA CPPK	66	ipratropium bromide (nasal) 0.03 %	62	itraconazole CAPS	18
INGREZZA CPSP	66	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	62	itraconazole SOLN	18
INLURIYO TABS PO 200 MG	27	ipratropium bromide SOLN 0.02 %	9	ivabradine hcl TABS	39
INLYTA	25	ipratropium-albuterol SOLN	10	ivermectin (pediculicide)	47
INQOVI	28	irbesartan	20	ivermectin	8
INREBIC	29	irbesartan-hydrochlorothiazide	20	IWILFIN	32
INSULIN ASP PROT & ASP FLEXPEN SUPN	16	IRESSA (gefitinib)	26	IXEMPRA KIT 15 MG	32
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	16	irinotecan hcl 300 MG/15ML, 500 MG/25ML	33	IXEMPRA KIT 45 MG	32
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	16	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	33	JAKAFI	29
INSULIN ASPART PROT & ASPART SUSP	16	irrigation solutions, physiological	60	JANUMET TABS	15
INSULIN ASPART SOLN IJ	16	ISENTRESS CHEW	35	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	15
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	16	ISENTRESS HD TABS	35	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15
INSULIN DEGLUDEC SOLN	16	ISENTRESS TABS	35	JANUVIA	16
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	16	ISOLYTE-P IN D5W	59	JARDIANCE	17
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	16	ISOLYTE-S	59	JAYPIRCA	29
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	16	isoniazid SOLN	23	JELMYTO SOLR UL	28
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	16	isoniazid SYRP	23	JEVTANA	32
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	16	isoniazid TABS	23	JIVI 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT	53
INSULIN LISPRO SOLN IJ	16	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	8	JULUCA	35
		isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	38	JYLAMVO SOLN PO	24
		isosorbide mononitrate TABS	8	JYNARQUE TBPK 15 MG (tolvaptan)	50
		isosorbide mononitrate TB24	8	JYNNEOS	71
				KADCYLA	25

KALETRA SOLN	35	KIMONO PS PLUS MISC	56	lacosamide TABS	12
KALYDECO TABS	67	KIMONO SENSATION MISC	56	lactated ringer's (irrigation)	60
KAMELEON LUBRICATED MISC	56	KIMONO SENSATION PLUS MISC	56	lactated ringer's	59
KANJINTI	26	KIMONO SPECIAL DEVI	56	lactic acid (ammonium lactate) CREA	47
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	59	KINRIX SUSY	68	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	47
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	59	KISQALI (200 MG DOSE)	29	lactulose (encephalopathy)	52
KEMOPLAT SOLN	24	KISQALI (400 MG DOSE)	29	lactulose SOLN	55
KESIMPTA	66	KISQALI (600 MG DOSE)	29	lamivudine (hbv) TABS	36
ketoconazole (topical) CREA	43	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	28	lamivudine SOLN	35
ketoconazole (topical) SHAM 2 %	43	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	28	lamivudine TABS 150 MG	35
ketoconazole	18	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	28	lamivudine TABS 300 MG	35
KETONE TEST STRP	47	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	28	lamivudine-zidovudine	35
ketoprofen CAPS 50 MG	4	KOGENATE FS KIT	53	lamotrigine CHEW 25 MG	12
ketorolac tromethamine (ophth)	64	KOSELUGO	29	lamotrigine CHEW 5 MG	12
ketorolac tromethamine TABS	4	KOSELUGO PO 5 MG, 7.5 MG	29	lamotrigine TABS	12
KETOSTIX STRP	47	KOVALTRY	53	lamotrigine TBDP	12
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	64	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	61	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	38
KEVZARA SOAJ	3	KRAZATI	30	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)	38
KEVZARA SOSY	3	KRINTAFEL	23	lansoprazole CPDR 15 MG	69
KEYTRUDA	25	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	56	lansoprazole CPDR 30 MG	69
KHAPZORY 175 MG	32	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	56	lanthanum carbonate CHEW	52
KIMONO COLORS DEVI	56	KYPROLIS	30	lapatinib ditosylate	30
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	56	labetalol hcl SOLN	37	LASTACRAFT	64
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	56	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG	37	latanoprost SOLN	64
KIMONO MISC	56	labetalol hcl TABS 300 MG	37	LAZCLUZE	26
KIMONO PLUS MISC	56	lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML	12	leflunomide	4
KIMONO PS MISC	56			LEMTRADA	66
				lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG,	

15 MG, 25 MG60	levocetirizine dihydrochloride SOLN 18	lidocaine hcl GEL 2 %47
lenalidomide 20 MG60	levocetirizine dihydrochloride TABS 18	lidocaine hcl PRSY47
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) .25	levofloxacin (ophth) 0.5 %63	lidocaine hcl SOLN47
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) .25	levofloxacin in d5w 500 MG/100ML 51	lidocaine PTCH 5 %47
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) .25	levofloxacin SOLN PO51	lidocaine-prilocaine CREA47
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) .25	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 51	lincomycin hcl22
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) .25	levofloxacin TABS 500 MG51	linezolid SUSR22
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) .25	levoleucovorin calcium SOLN32	linezolid TABS22
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) ..25	levoleucovorin calcium SOLR32	LINZESS52
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) ..25	levonorgestrel & eth estradiol TABS 40	liothyronine sodium SOLN68
letrozole27	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG40	liothyronine sodium TABS68
leucovorin calcium SOLN IJ 500 MG/50ML32	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)40	liraglutide16
leucovorin calcium SOLR32	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG40	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1
leucovorin calcium TABS32	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)40	lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1
LEUKERAN24	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 40	lisinopril & hydrochlorothiazide ...21
LEUKINE SOLR IJ54	levorphanol tartrate TABS 2 MG5	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG20
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML27	levothyroxine sodium TABS68	lithium34
LEUPROLIDE ACETATE-BUPIVACAINE27	LEVULAN KERASTICK SOLR44	lithium carbonate CAPS34
levalbuterol hcl10	LEXIVA SUSP35	lithium carbonate TABS34
levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML10	LIBTAYO25	lithium carbonate TBCR34
levalbuterol tartrate10	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %55	LO LOESTRIN FE TABS40
levetiracetam SOLN PO 100 MG/ML, 500 MG/5ML12	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...60	lofexidine hcl65
levetiracetam TABS 1000 MG13	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...60	LOKELMA60
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG12		LONSURF28
levetiracetam TABS 500 MG12		loperamide hcl CAPS17
levetiracetam TB2413		lopinavir-ritonavir SOLN35
levobunolol hcl 0.5 %63		lopinavir-ritonavir TABS35
		LOQTORZI25
		loratadine CAPS18

loratadine CHEW19	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .27	MEDROL TABS41
loratadine SOLN 19	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .27	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM 40
loratadine TABS19	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 49	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM 40
loratadine TBDP 19	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG49	medroxyprogesterone acetate 10 MG65
lorazepam CONC 8	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG49	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG65
lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG8	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG 34	mefenamic acid CAPS 4
lorazepam TABS 1 MG8	lurasidone hcl 80 MG 34	mefloquine hcl23
LORBRENA30	LUTATHERA31	megestrol acetate (appetite) 65
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG21	LYNPARZA TABS 30	megestrol acetate SUSP27
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 21	LYSODREN27	megestrol acetate TABS27
losartan potassium20	LYTGOBI (12 MG DAILY DOSE) .30	MEKINIST SOLR 30
LOTEMAX OINT63	LYTGOBI (16 MG DAILY DOSE) .30	MEKINIST TABS 0.5 MG30
loteprednol etabonate GEL63	LYTGOBI (20 MG DAILY DOSE) .30	MEKINIST TABS 2 MG30
loteprednol etabonate SUSP 63	mafenide acetate PACK 45	MEKTOVI30
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ... 19	magnesium sulfate IJ 50 %59	meloxicam TABS4
lovastatin TABS 40 MG19	malathion47	melphalan 24
loxapine succinate34	maraviroc TABS 150 MG36	melphalan hcl IV 24
lubiprostone 51	maraviroc TABS 300 MG35	memantine hcl TABS 66
LUCEMYRA (lofexidine hcl)65	MARPLAN14	MENACTRA69
luliconazole43	MASONATAL TABS61	MENEST 2.5 MG 50
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG30	MATULANE 32	MENOSTAR PTWK50
LUMAKRAS 320 MG30	MAXIDEX SUSP OP63	MENQUADFI 0.5 ML 69
LUMIZYME50	MAXX MISC56	MENVEO SOLR 69
LUMOXITI26	MAXX PLUS MISC56	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML5
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM27	meclizine hcl TABS 12.5 MG 17	meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML 5
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM27	meclizine hcl TABS 25 MG 17	meperidine hcl TABS 50 MG5
	meclofenamate sodium CAPS4	

meprobamate	8	methadone hcl TBSO	5	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG	2
mercaptopurine SUSP 2000 MG/100ML	24	methamphetamine hcl	1	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2
mercaptopurine TABS	24	methazolamide TABS	48	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	2
meropenem	22	methenamine hippurate	22	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	2
mesalamine CP24	51	methimazole TABS	68	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2
mesalamine CPDR	51	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG	62	methylphenidate PTCH	2
mesalamine ENEM	51	methotrexate sodium SOLN 1 GM/40ML, 250 MG/10ML, 1000 MG/40ML	25	methylprednisolone acetate SUSP 41	
mesalamine SUPP	51	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	25	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	41
mesalamine TBEC 1.2 GM	51	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML	25	methylprednisolone TABS	41
mesalamine TBEC 800 MG	51	methotrexate sodium SOLR	25	methylprednisolone TBPk	41
mesna SOLN	32	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 25		methyltestosterone TABS	7
mesna TABS	32	methoxsalen rapid	44	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	51
MESNEX SOLN (mesna)	32	methscopolamine bromide	68	metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	51
MESNEX TABS	32	methsuximide	13	metoclopramide hcl TABS	51
metaxalone 800 MG	62	methyldopa TABS	20	metolazone	48
metformin hcl TABS 1000 MG	15	methylphenidate hcl CHEW 10 MG ..	1	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	21
metformin hcl TABS 500 MG	15	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG ..	1	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG	21
metformin hcl TABS 850 MG	15	methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..	1	metoprolol succinate TB24 200 MG 37	
metformin hcl TB24 500 MG	15	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG	2	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	37
metformin hcl TB24 750 MG	15	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	1	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	37
methadone hcl CONC	5	methylphenidate hcl CP24	1	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50	
METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)	5	methylphenidate hcl CPCR	2		
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML ..	5	methylphenidate hcl SOLN	2		
methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML	5				
methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML 5					
methadone hcl TABS 10 MG	5				
methadone hcl TABS 5 MG	5				

MG, 100 MG 37	MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML . 71	MOTEGRITY (prucalopride succinate) 51
metronidazole (topical) CREA 47	modafinil 100 MG 2	MOTOFEN 17
metronidazole (topical) GEL 0.75 % 47	modafinil 200 MG 2	MOVANTIK 52
metronidazole (topical) GEL 1 % .. 47	MODERNA COVID-19 BIVALENT 71	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 63
metronidazole (topical) LOTN 47	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP 71	moxifloxacin hcl in sodium chloride 51
metronidazole TABS 250 MG, 500 MG 21	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY 71	moxifloxacin hcl TABS 51
metronidazole vaginal 72	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP 71	MRESVIA 71
mexiletine hcl 8		MULPLETA 54
micafungin sodium 18		MULTI PRENATAL TABS 61
miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG 72	MODEYSO CAPS PO 125 MG ... 27	mupirocin OINT 43
midodrine hcl 72	moexipril hcl 20	MVASI 25
miglitol 15	mometasone furoate (nasal) SUSP 62	MYALEPT 50
miglustat 53	mometasone furoate CREA 46	mycophenolate mofetil CAPS 60
minocycline hcl CAPS 67	mometasone furoate OINT 46	mycophenolate mofetil TABS 60
minocycline hcl TABS 67	mometasone furoate SOLN 46	mycophenolate sodium 60
minoxidil 2.5 MG, 10 MG 21	MONJUVI 26	MYLERAN TABS 24
MIRCERA 54	montelukast sodium CHEW 9	nabumetone 4
mirtazapine TABS 13	montelukast sodium PACK 9	nadolol TABS 20 MG 37
mirtazapine TBDP 14	montelukast sodium TABS 9	nadolol TABS 40 MG 37
misoprostol 69	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG 5	nadolol TABS 80 MG 37
mitomycin SOLR IV 20 MG 28	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML 6	nafcillin sodium IV 10 GM 65
mitomycin SOLR IV 5 MG, 40 MG .28		naftifine hcl CREA 1 % 43
MITOMYCIN SOSY 20 MG/40ML .28		naftifine hcl CREA 2 % 43
mitoxantrone hcl 20 MG/10ML, 30 MG/15ML 28	morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML 6	nalbuphine hcl 7
mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML .. 28	morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML 6	naloxone hcl LIQD 17
M-M-R II SOLR 71	morphine sulfate TABS 6	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML 17
M-NATAL PLUS TABS 61	morphine sulfate TBCR 6	naltrexone hcl 17
		naproxen sodium TABS 550 MG ... 4

naproxen SUSP	4	neostigmine methylsulfate SOSY ..	23	nifedipine TB24 90 MG	38
naproxen TABS	4	NEO-SYNALAR	43	nifedipine TB24	38
naproxen TBEC 500 MG	4	NERLYNX	30	NILANDRON (nilutamide)	27
naratriptan hcl	58	NEUPRO	33	NILOTINIB D-TARTRATE CAPS PO	
NATACYN	63	NEVANAC	64	50 MG, 150 MG, 200 MG	30
NATAZIA	40	nevirapine SUSP	36	nilotinib hcl 150 MG, 200 MG	30
nateglinide	16	nevirapine TABS	36	nilotinib hcl 50 MG	30
NAYZILAM	12	nevirapine TB24 400 MG	36	nilutamide	27
nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG		NEXAVAR (sorafenib tosylate) ...	30	nimodipine CAPS	38
37		NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	69	NINLARO	30
nebivolol hcl 20 MG	37	NEXTSTELLIS	40	NIPENT	32
NEBUSAL NEBU	41	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19	nisoldipine	38
nefazodone hcl	14	niacin CPCR 250 MG, 500 MG	72	nitazoxanide TABS	21
nelarabine	25	NIACIN ER TBCR	72	nitisinone CAPS	50
neomycin sulfate TABS	2	niacin TABS	72	NITRO-BID OINT	8
neomycin-bacitracin zn-polymyxin	63	niacin TBCR	73	nitrofurantoin	22
neomycin-polymy-dexameth OINT	63	niacinamide TABS 100 MG	72	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG,	
neomycin-polymy-dexameth SUSP		niacinamide TABS 500 MG	72	100 MG	22
0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML,		nicardipine hcl CAPS	38	nitrofurantoin monohyd macro	22
0.1 %	63	nicardipine hcl SOLN	38	nitroglycerin (intra-anal)	7
neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	63	NICOTINE KIT	67	nitroglycerin CPCR	8
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .		nicotine polacrilex GUM	67	nitroglycerin PT24	8
64		nicotine polacrilex LOZG	67	NITROGLYCERIN SOLN IV	8
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .		nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14		nitroglycerin SUBL	8
64		MG/24HR, 21 MG/24HR	67	NIVA-PLUS TABS	61
NEONATAL COMPLETE TABS 120		NICOTROL INHA	67	nizatidine CAPS	68
MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10		NICOTROL NS SOLN	67	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30	
MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-		nifedipine CAPS 10 MG	38	MG/3ML	49
27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2		nifedipine CAPS 20 MG	38	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5	
MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	61	nifedipine TB24 60 MG	38	MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15	
NEONATAL PLUS TABS	61			MG/1.5ML	49
NEONATAL PRENATAL TABS ...	61			norelgestromin-ethinyl estradiol ...	40
NEONATAL VITAMIN TABS	61				

norethin acet & estrad-fe CAPS ... 40	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY71	ofloxacin (ophth)63
norethin acet & estrad-fe CHEW ... 40	NOVOEIGHT53	ofloxacin (otic)64
norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG40	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN 16	ofloxacin 300 MG, 400 MG 51
norethindrone & eth estradiol 40	NOVOLIN 70/30 SUSP 16	OGIVRI26
norethindrone & ethinyl estradiol-fe 40	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN16	OGSIVEO 30
norethindrone (contraceptive)40	NOVOLIN N SUSP16	OJEMDA SUSR30
norethindrone acet & eth estra TABS 40	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..16	OJEMDA TABS30
norethindrone acetate TABS65	NOVOLIN R SOLN IJ 16	OJJAARA30
norethindrone acetate-ethinyl estradiol 50	NP THYROID TABS 68	olanzapine SOLR34
norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe40	NUBEQA 27	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..34
norethindrone-eth estradiol (triphasic)40	NUCALA SOAJ9	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG34
norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)40	NUCALA SOLR 9	olanzapine TBDP 20 MG 34
norgestimate-ethinyl estradiol40	NUCALA SOSY 100 MG/ML9	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG 34
norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG40	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML9	olmesartan medoxomil20
NORMOSOL-M IN D5W 59	NUEDEXTA 66	olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide 21
NORMOSOL-R PH 7.459	NULOJIX 60	olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide 21
nortriptyline hcl CAPS14	NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML71	olopatadine hcl (nasal)62
nortriptyline hcl SOLN14	nystatin (mouth-throat)60	olopatadine hcl 0.1 %64
NORVIR CAPS36	nystatin (topical) CREA43	olopatadine hcl 0.2 %64
NORVIR PACK36	nystatin (topical) OINT43	omega-3-acid ethyl esters19
NOVA MAX PLUS KETONE TEST 47	nystatin (topical) POWD EX 43	omeprazole CPDR69
NOVAREL IM 10000 UNIT 49	nystatin TABS18	omeprazole magnesium CPDR ...69
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP71	nystatin-triamcinolone CREA43	omeprazole TBEC 69
	nystatin-triamcinolone OINT43	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG69
	NYVEPRIA 54	OMNIFLEX DIAPHRAGM56
	octreotide acetate SOLN50	ONCASPAR31
	ODEFSEY36	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML .
	ODOMZO26	
	OFEV67	

17	oseltamivir phosphate SUSR 37	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6
ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML 17	OSPHENA 49	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN 16
ondansetron hcl SOSY 17	OTEZLA TABS 4	OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML 16
ondansetron hcl TABS 24 MG 17	OTEZLA TBPk 4	OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ... 16
ondansetron hcl TABS 4 MG 17	OTEZLA XR TB24 PO 75 MG 4	paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML 32
ondansetron hcl TABS 8 MG 17	OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPk 4	paclitaxel 30 MG/5ML, 300 MG/50ML 32
ondansetron TBDP 4 MG 17	oxacillin sodium IV 10 GM 65	PACLITAXEL PROTEIN-BOUND PART 33
ondansetron TBDP 8 MG 17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML 24	paclitaxel protein-bound particles . 33
ONE VITE WOMENS PLUS TABS 61	oxaliplatin SOLR 24	PADCEV 26
ONE VITE WOMENS TABS 61	oxaprozin TABS 4	paliperidone 34
ONIVYDE IV 43 MG/10ML 33	oxazepam CAPS 8	palonosetron hcl SOLN 17
ONTRUZANT 26	oxcarbazepine SUSP 13	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML 49
ONUREG TABS 25	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG 13	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 49
OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML 26	oxcarbazepine TABS 600 MG 13	PANRETIN 44
OPDUALAG 28	oxiconazole nitrate CREA 43	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 69
OPILL 40	OXISTAT LOTN 43	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 69
OPSUMIT 38	oxybutynin chloride SOLN 69	paricalcitol CAPS 50
ORENITRAM TBCR 38	oxybutynin chloride TABS 5 MG ... 69	paricalcitol SOLN 50
ORGOVYX 27	oxybutynin chloride TB24 69	paroxetine hcl SUSP 14
ORILISSA 49	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG 6	paroxetine hcl TABS 14
ORKAMBI PACK 67	oxycodone hcl TABS 6	paroxetine hcl TB24 14
ORKAMBI TABS 67	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG 7	pazopanib hcl 30
ORLADEYO 53	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG 7	PAZOPANIB HCL 400 MG 30
orphenadrine citrate TB12 62	oxymorphone hcl TABS 6	
orphenadrine w/ aspirin & caff 385 MG-30 MG-25 MG 62	oxymorphone hcl TB12 40 MG 6	
ORSERDU 27		
oseltamivir phosphate CAPS 37		

PEDIARIX SUSY	68	penicillin v potassium TABS	65	phenelzine sulfate	14
pediatric multivitamins w/fl CHEW .	61	PENMENVY SUSR IM	69	phenobarbital ELIX	54
PEDVAX HIB SUSP	69	PENTACEL	68	phenobarbital TABS	54
peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	55	pentazocine w/ naloxone hcl	7	phenoxybenzamine hcl	20
peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM 55		pentoxifylline	53	phentermine hcl CAPS	1
peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	55	perampanel TABS 2 MG	11	phenytoin CHEW	13
PEGASYS SOLN	36	perampanel TABS 4 MG	11	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13
PEGASYS SOSY	36	perampanel TABS 6 MG	12	phenytoin sodium SOLN	13
PEMAZYRE	30	perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11	phenytoin SUSP	13
PEMETREXED	25	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .	20	PHESGO	28
PEMETREXED DISODIUM SOLN 500 MG/20ML	25	perindopril erbumine 4 MG	20	PHEXX	72
pemetrexed disodium SOLR 100 MG, 750 MG, 1000 MG	25	PERJETA	26	PHEXXI	72
pemetrexed disodium SOLR 500 MG 25		permethrin CREA	47	PHOTOFRIN	32
PEMETREXED DITROMETHAMINE	25	permethrin LIQD EX	47	PHYRAGO 20 MG, 50 MG, 70 MG, 80 MG, 100 MG, 140 MG	30
PEMFEXY	25	perphenazine TABS	34	PIFELTRO	36
PENBRAYA	69	perphenazine-amitriptyline	66	pilocarpine hcl (oral)	61
penciclovir	45	PERSERIS PRSY	34	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 63	
penicillamine CAPS	59	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT . 71		pimecrolimus	47
penicillamine TABS	59	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	71	pimozide	67
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .	65	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	71	pindolol TABS	37
penicillin g potassium 5000000 UNIT 65		PFIZER-BIONT COVID-19 VAC- TRIS SUSP	71	pioglitazone hcl	16
penicillin g sodium	65	PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	71	pioglitazone hcl-glimepiride	15
penicillin v potassium SOLR	65	PHEBURANE PLLT	50	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15	
		phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG	52	piperacillin sodium-tazobactam sodium	65
		phendimetrazine tartrate TABS	1	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) .	30
				PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) .	30
				PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) .	30

PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (estrogens, conjugated)	51	probenecid	52	PROQUAD SUSR	71
PREMPHASE	50	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8		protriptyline hcl	14
PREMPRO	50	prochlorperazine	34	prucalopride succinate	51
PRENATAL ONE DAILY TABS ...	61	prochlorperazine maleate TABS ...	34	PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9
PRENATAL PLUS TABS	61	PROCRIT	54	PULMOZYME	67
PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	61	progesterone CAPS	65	PURIXAN SUSP 2000 MG/100ML (mercaptapurine)	25
PRENATAL TABS	61	PROGRAF PACK	60	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	61
PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	61	PROGRAF SOLN	60	pyrazinamide	23
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	61	PROLASTIN-C SOLN	67	pyridostigmine bromide SOLN PO .	23
PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	61	PROLASTIN-C SOLR	67	pyridostigmine bromide TABS 60 MG	23
PRENATRIX TABS	61	PROLEUKIN	32	pyridostigmine bromide TBCR	23
PRENATRYL TABS	61	PROLIA SOSY	49	pyrimethamine	23
PREVNAR 13	69	PROMACTA PACK 12.5 MG, 25 MG (eltrombopag olamine)	54	QC PRENATAL TABS	61
PREVNAR 20	70	PROMACTA TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG (eltrombopag olamine)	54	QINLOCK	30
PREZCOBIX	36	promethazine hcl SOLN PO 6.25 MG/5ML, 12.5 MG/10ML	19	QUADRACEL SUSP	68
PREZISTA SUSP	36	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	19	QUADRACEL SUSY	68
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	36	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	19	quazepam	54
PRIFTIN	23	promethazine hcl TABS	19	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG	34
primaquine phosphate TABS	23	propafenone hcl CP12	8	quetiapine fumarate TB24	34
primidone 50 MG, 250 MG	13	propafenone hcl TABS	8	quinapril hcl 20 MG, 40 MG	20
PRIORIX SUSR	71	proparacaine hcl	63	quinapril hcl 5 MG, 10 MG	20
		propranolol hcl CP24	37	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	21
		propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	37	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	21
		propranolol hcl TABS	37	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG	21
		propylthiouracil	68	quinidine sulfate TABS	8

quinine sulfate CAPS 324 MG23	REPATHA SOSY20	risedronate sodium TBEC49
QUZYTIR SOLN IV19	REPATHA SURECLICK SOAJ20	risperidone microspheres34
QVAR REDIHALER9	RETACRIT54	risperidone SOLN34
rabeprazole sodium TBEC69	RETEVMO CAPS30	risperidone TABS34
raloxifene hcl49	RETEVMO TABS30	risperidone TBDP34
ramelteon55	RETROVIR SOLN36	ritonavir TABS36
ramipril CAPS20	REVLIMID 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG60	RITUXAN26
ranolazine TB12 1000 MG8	REVLIMID 20 MG60	RITUXAN HYCELA28
ranolazine TB12 500 MG8	REVUFORJ27	rivaroxaban SUSR 1 MG/ML11
rasagiline mesylate33	REVUFORJ 25 MG27	rivaroxaban TABS 2.5 MG11
REALITY LATEX CONDOMS MISC . 56	REXULTI35	rivastigmine tartrate CAPS66
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI56	REZLIDHIA30	rizatriptan benzoate TABS 10 MG .58
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 56	REZVOGLAR KWIKPEN16	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..58
REBIF REBIDOSE SOAJ66	ribavirin (hepatitis c) CAPS36	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .58
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ66	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 36	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..58
REBIF SOSY66	RIDAURA3	roflumilast9
REBIF TITRATION PACK SOSY ..66	rifabutin23	ROMIDEPSIN SOLN30
RECOMBIVAX HB SUSP71	rifampin CAPS23	romidepsin SOLR30
RECOMBIVAX HB SUSY71	rifampin SOLR23	ROMVIMZA CAPS PO 14 MG, 20 MG, 30 MG30
RELENZA DISKHALER37	riluzole TABS62	ropinirole hydrochloride TABS33
RELION KETONE TEST STRP ...47	rimantadine hydrochloride TABS ..37	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG33
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP47	ringer's59	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG33
RENFLEXIS51	ringer's irrigation60	rosuvastatin calcium TABS19
repaglinide 0.5 MG, 1 MG16	RINVOQ LQ SOLN2	ROTARIX SUSP71
repaglinide 2 MG16	RINVOQ TB242	ROTATEQ SOLN71
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT19	risedronate sodium TABS 150 MG 49	ROZLYTREK CAPS30
	risedronate sodium TABS 35 MG .49	ROZLYTREK PACK30
	risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG49	RUBRACA30

rufinamide SUSP	13	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 36	SM PRENATAL VITAMINS TABS .61		
rufinamide TABS 200 MG	13		SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	58	
rufinamide TABS 400 MG	13	SEMGLEE (YFGN) SOLN	16	sodium acetate SOLN	58
RUXIENCE	26	SEMGLEE (YFGN) SOPN	16	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	52
RYBELSUS TABS	16	SEREVENT DISKUS	10	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	41
RYDAPT	30	sertraline hcl CONC	14	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	59
sacubitril-valsartan TABS	38	sertraline hcl TABS	14	sodium citrate & citric acid	52
salsalate	5	sevelamer carbonate PACK	52	sodium fluoride CHEW	59
SANTYL OINT	47	sevelamer carbonate TABS	52	sodium phenylbutyrate POWD	50
sapropterin dihydrochloride PACK .50		SHINGRIX	71	sodium phenylbutyrate TABS	50
sapropterin dihydrochloride TABS .50		SIGNIFOR	50	sodium polystyrene sulfonate POWD 60	
SARCLISA	26	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	38	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	60
SAVELLA TABS	66	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	39	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate	55
SAVELLA TITRATION PACK MISC 66		sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	39	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	36
saxagliptin hcl	16	sildenafil citrate	38	solifenacin succinate TABS	69
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG	15	silodosin	52	SOLQUA	15
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	15	silver sulfadiazine	45	SOLOSEC	2
SCSEMBLIX 100 MG	30	SIMPONI ARIA SOLN	3	SOLTAMOX SOLN	27
SCSEMBLIX 20 MG, 40 MG	30	SIMULECT	60	SOLU-CORTEF (hydrocortisone sod succinate)	41
SCLEROSOL INTRAPLEURAL AERP	67	simvastatin TABS	19	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	41
scopolamine	17	sirolimus TABS	60	SOLU-CORTEF 250 MG	41
SELECT INSULIN SYRINGES	57	SIRTURO	23	SOLU-MEDROL 2 GM	41
SELECT LANCETS	57	SIVEXTRO TABS	22	sorafenib tosylate	30
selegiline hcl CAPS	33	SKYRIZI PEN SOAJ	44	SORBITOL 3 %	52
selegiline hcl TABS	33	SKYRIZI SOCT	51		
selenium sulfide LOTN 2.5 %	44	SKYRIZI SOLN	51		
SELZENTRY SOLN	36	SKYRIZI SOSY	44		
		SLYND	40		

SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	52	STRONTIUM CHLORIDE SR-89 .	31	sumatriptan succinate TABS	58
sotalol hcl (afib/af)	37	SUBSYS LIQD 800 MCG	6	sumatriptan-naproxen sodium	58
sotalol hcl TABS 240 MG	37	sucalfate SUSP	68	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	30
sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	37	sucalfate TABS	68	sunitinib malate 37.5 MG	30
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	72	sulconazole nitrate CREA	43	SUNOSI 150 MG	1
SPIKEVAX SUSP	72	sulconazole nitrate SOLN	43	SUNOSI 75 MG	1
SPIKEVAX SUSY	72	sulfacetamide sodium (acne)	42	SUTENT 12.5 MG, 25 MG, 50 MG (sunitinib malate)	30
spinosad	47	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 63		SUTENT 37.5 MG (sunitinib malate) . 30	
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	9	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	42	SYLVANT	60
spironolactone & hydrochlorothiazide	48	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	42	SYNAREL	49
spironolactone TABS	48	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	42	SYNJARDY TABS	15
SPRAVATO (56 MG DOSE)	14	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	64	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
SPRAVATO (84 MG DOSE)	14	sulfadiazine TABS	67	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15
SPRYCEL (dasatinib)	30	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	SYNRIBO	32
stannous fluoride CONC	60	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	68
STELARA 130 MG/26ML	51	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	TABLOID	25
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	44	SULFAMYLLON CREA	45	TABRECTA	31
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	44	sulfasalazine TABS	51	tacrolimus (topical) OINT	47
STELARA SOSY 90 MG/ML	44	sulfasalazine TBEC	51	tacrolimus CAPS	60
STENDRA (avanafil)	38	sulindac TABS	4	tacrolimus SOLN 5 MG/ML	60
STERILE TALC POWDER SUSR .	67	sumatriptan	58	tadalafil (pulmonary hypertension) TABs	39
STIOLTO RESPIMAT	10	sumatriptan succinate SOAJ	58	tadalafil 5 MG	38
STIVARGA	30	sumatriptan succinate SOCT	58	TAFINLAR CAPS	31
STRENSIQ	50	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	58	TAFINLAR TBSO	31
streptomycin sulfate SOLR	2			tafluprost	64
STRIBILD	36				
STRIVERDI RESPIMAT	10				

TAGRISSO 40 MG26	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG54	THERANATAL CORE NUTRITION TABS61
TAGRISSO 80 MG26	TEMODAR SOLR24	THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin)52
TAKHZYRO SOLN53	temozolomide CAPS24	THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin)52
TAKHZYRO SOSY53	temsirolimus31	thioridazine hcl34
TALZENNA 0.1 MG, 0.35 MG31	TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU68	thiotepa 100 MG24
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG31	tenofovir disoproxil fumarate TABS 36	thiotepa 15 MG24
tamoxifen citrate TABS27	TEPADINA 100 MG (thiotepa)24	thiothixene35
tamsulosin hcl52	TEPADINA 15 MG (thiotepa)24	THYMOGLOBULIN60
TARCEVA (erlotinib hcl)26	TEPMETKO31	THYROGEN 0.9 MG47
TARGRETIN (bexarotene (topical)) 44	terazosin hcl20	tiagabine hcl13
TARGRETIN (bexarotene)32	terbinafine hcl TABS18	TIBSOVO31
TASIGNA 150 MG, 200 MG (nilotinib hcl)31	terbutaline sulfate SOLN10	ticagrelor 60 MG, 90 MG53
TASIGNA 50 MG (nilotinib hcl)31	terbutaline sulfate TABS10	tigecycline67
tasimelteon CAPS55	terconazole vaginal CREA72	timolol maleate (ophth) SOLG63
tavaborole43	terconazole vaginal SUPP72	timolol maleate (ophth) SOLN63
TAVALISSE53	teriflunomide66	timolol maleate TABS37
tazarotene CREA 0.1 %44	teriparatide SOPN49	tiopronin TBEC 100 MG52
TAZVERIK31	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML7	tiopronin TBEC 300 MG52
TDVAX SUSP68	testosterone cypionate SOLN IM ...7	tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG9
TECENTRIQ26	testosterone enanthate SOLN IM ...7	TIVICAY TABS36
TEFLARO39	TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP68	tizanidine hcl CAPS62
TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 13	tetrabenazine66	tizanidine hcl TABS62
TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 13	tetracycline hcl CAPS68	tobramycin (ophth) SOLN63
telmisartan20	THALOMID60	tobramycin NEBU2
telmisartan-amlodipine21	theophylline ELIX10	tobramycin sulfate SOLN IJ 2 GM/50ML, 10 MG/ML, 80 MG/2ML .2
telmisartan-hydrochlorothiazide ..21	theophylline SOLN10	tobramycin-dexamethasone SUSP 64
temazepam 15 MG, 30 MG54	theophylline TB1210	
	theophylline TB2410	

TODAY SPONGE MISC	72	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	21	triamcinolone acetonide (mouth) ..	61
tolcapone	33	tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	54	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	62
tolmetin sodium CAPS	4	tranexamic acid TABS	54	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	46
tolmetin sodium TABS 600 MG	4	tranylcypromine sulfate	14	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	46
TOLSURA CAPS	18	travoprost SOLN	64	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	46
tolterodine tartrate CP24	69	TRAZIMERA	26	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	46
tolterodine tartrate TABS	69	trazodone hcl TABS	14	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	46
tolvaptan TABS	50	TREANDA SOLR (bendamustine hcl)	24	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	46
tolvaptan TBPK 15 MG	50	TRELEGY ELLIPTA	10	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	46
topiramate CPSP 15 MG	13	TRELSTAR MIXJECT	27	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	46
topiramate CPSP 25 MG	13	TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	44	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	46
topiramate CS24	13	TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML 44		triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML	41
topiramate TABS 200 MG	13	TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	51	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	48
topiramate TABS 25 MG, 100 MG ..	13	TREMFYA SOLN IV	51	triamterene & hydrochlorothiazide TABS	48
topiramate TABS 50 MG	13	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	44	triamterene CAPS	48
TOPOTECAN HCL SOLN (topotecan hcl)	33	TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML 51		triazolam	54
topotecan hcl SOLN	33	TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	51	TRICARE TABS	62
topotecan hcl SOLR	33	treprostinil SOLN IJ	38	trientine hcl 250 MG	59
toremifene citrate	27	tretinoin (chemotherapy)	32	trifluoperazine hcl TABS	34
TORISEL (temsirolimus)	31	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	42	trifluridine	63
torsemide TABS	48	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	42	trihexyphenidyl hcl SOLN	33
TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)	38	tretinoin microsphere 0.1 %	42	trihexyphenidyl hcl TABS	33
tramadol hcl TABS 50 MG	6	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	25	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG ..	15
tramadol hcl TB24	6			TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10	
tramadol-acetaminophen	7				
trandolapril 1 MG, 2 MG	20				
trandolapril 4 MG	20				
trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	21				

MG, 1000 MG-5 MG-25 MG 15	TRUQAP TBPK 31	TYMLOS 49
TRIKAFTA TBPK 67	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC 56	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ... 38
trimethobenzamide hcl CAPS 17	TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDD MISC 56	TYVASO SOLN IN 38
trimethoprim TABS 21	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC 56	TYVASO STARTER KIT SOLN IN 38
trimipramine maleate CAPS 14	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC 56	UBRELVY 57
TRINTELLIX 14	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC 56	UDENYCA ONBODY SOSY 54
TRISENOX (arsenic trioxide) 32	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC 56	UDENYCA SOAJ 54
TRIUMEQ TABS 36	TRUSTEX LUBRICATED MISC ... 57	UDENYCA SOSY 54
TRIZIVIR 36	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 57	umeclidinium-vilanterol 10
TRODELVY 33	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC 57	UNITUXIN 26
TROJAN BARESKIN DEVI 56	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC 57	UPTRAVI TABS 200 MCG 39
TROJAN MAGNUM MISC 56	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC . 57	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG 39
TROJAN ULTRA THIN MISC 56	TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC 57	UPTRAVI TITRATION TBPK 39
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC 56	TRUXIMA 100 MG/10ML 26	ursodiol CAPS 51
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 56	TRUXIMA 500 MG/50ML 26	ursodiol TABS 51
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC . 56	TUKYSA 26	UVADEX 32
tropicamide SOLN 0.5 % 63	TURALIO 125 MG 31	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG 27
tropicamide SOLN 1 % 63	TWINRIX SUSY 72	valacyclovir hcl 1 GM 36
tropium chloride CP24 69	TWIRLA 40	valacyclovir hcl 500 MG 36
tropium chloride TABS 69	TYBLUME CHEW 40	VALCHLOR 44
TRUE COVER DEVI 56	TYBOST 36	valganciclovir hcl TABS 36
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP 48	TYKERB (lapatinib ditosylate) 31	valproate sodium SOLN IV 100 MG/ML, 500 MG/5ML 13
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ... 57		valproic acid CAPS 13
TRULANCE 51		valrubicin 28
TRULICITY 16		valsartan TABS 20
TRUMENBA 0.5 ML 70		valsartan-hydrochlorothiazide 21
TRUQAP TABS 31		VALSTAR (valrubicin) 28

VALTOCO 10 MG DOSE LIQD12	venlafaxine hcl TB2414	VIVIMUSTA SOLN24
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML12	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG38	VIZIMPRO26
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML12	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG38	VONJO31
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD12	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...38	VORANIGO31
vancomycin hcl CAPS22	verapamil hcl TABS38	VORAXAZE32
vancomycin hcl SOLR PO 50 MG/ML, 250 MG/5ML22	verapamil hcl TBCR38	voriconazole TABS18
VANFLYTA31	VEREGEN42	VOSEVI36
VAQTA72	VERZENIO31	VOTRIENT (pazopanib hcl)31
VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML72	VICTOZA (liraglutide)16	VYNDAMAX39
varenicline tartrate TABS67	VIDAZA SUSR (azacitidine)25	VYNDAQEL39
varenicline tartrate TBPk67	vigabatrin PACK13	VYXEOS28
VARIVAX SUSR72	vigabatrin TABS13	warfarin sodium TABS10
VARUBI (180 MG DOSE) TBPk ...18	VIIBRYD STARTER PACK KIT14	water for irrigation, sterile60
VAXELIS SUSP68	vilazodone hcl TABS14	WELIREG27
VAXELIS SUSY68	vinblastine sulfate SOLN33	WESTAB PLUS TABS62
VAXNEUVANCE70	vincristine sulfate33	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 6057
VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM72	vinorelbine tartrate 10 MG/ML33	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 6557
VECAMYL21	vinorelbine tartrate 50 MG/5ML ...33	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 7057
VECTIBIX 100 MG/5ML26	VIRACEPT TABS 250 MG36	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 7557
VECTIBIX 400 MG/20ML26	VIRACEPT TABS 625 MG36	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 8057
VELCADE SOLR IJ (bortezomib) .31	VIREAD POWD36	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 8557
VELPHORO52	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG36	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 9057
VENCLEXTA STARTING PACK TBPk26	VISTOGARD17	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 9557
VENCLEXTA TABS26	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT72	XALKORI CAPS31
venlafaxine hcl CP2414	VITATHELY WITH GINGER TABS 62	XALKORI CPSP31
venlafaxine hcl TABS14	VITRAKVI CAPS31	XARELTO STARTER PACK TBPk 11
	VITRAKVI SOLN31	XARELTO SUSR 1 MG/ML (rivaroxaban)11
		XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..11
		XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG

(rivaroxaban)11	27	ZEJULA CAPS31
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..11	XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY)	ZEJULA TABS 100 MG31
XATMEP SOLN PO25	40 MG28	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG ..31
XELJANZ SOLN2	XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY)	ZELBORAF31
XELJANZ TABS 10 MG2	60 MG28	
XELJANZ TABS 5 MG2	XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) .	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000
XELJANZ XR TB242	28	UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-
XELODA (capecitabine)25	XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY)	10000 UNIT-3000 UNIT, 168000
XEOMIN62	40 MG28	UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT,
XERAVA67	XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) .	24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT,
XGEVA SOLN49	28	42000 UNIT-32000 UNIT-10000
XHANCE EXHU62	XTANDI CAPS27	UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-
XIFAXAN 200 MG21	XTANDI TABS27	15000 UNIT, 84000 UNIT-63000
XIFAXAN 550 MG21	XULTOPHY15	UNIT-20000 UNIT48
XIGDUO XR (dapagliflozin	XYNTHA53	ZENPEP CPEP 252600 UNIT-
propanediol-metformin hcl)15	XYNTHA SOLOFUSE53	189600 UNIT-60000 UNIT48
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500	YERVOY26	ZEPZELCA24
MG-10 MG, 500 MG-5 MG15	YONDELIS24	ZEVALIN Y-9026
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000	YONSA27	zidovudine CAPS36
MG-5 MG15	YUFLYMA (1 PEN) AJKT3	zidovudine SYRP36
XOFIGO31	YUFLYMA (2 PEN) AJKT3	zidovudine TABS36
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT3	zileuton TB129
MG/2ML9	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER	ziprasidone hcl34
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML9	AJKT3	ZIRABEV25
XOLAIR SOLR9	zafirlukast9	ZIRGAN GEL63
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300	zaleplon 10 MG55	ZOLADEX 10.8 MG27
MG/2ML9	zaleplon 5 MG54	ZOLADEX 3.6 MG27
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML9	ZALTRAP 100 MG/4ML25	zoledronic acid CONC49
XOSPATA31	ZALTRAP 200 MG/8ML25	zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML
XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY)	ZANOSAR24	49
50 MG27	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .13	ZOLINZA31
XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY)	ZARXIO54	zolmitriptan SOLN58
		zolmitriptan TABS58
		zolmitriptan TBDP58

zolpidem tartrate TABS	55
zolpidem tartrate TBCR	55
zonisamide CAPS	13
ZONTIVITY	53
ZORBTIVE SC	49
ZYDELIG	31
ZYKADIA TABS	31
ZYLET	64
ZYTIGA 250 MG (abiraterone acetate)	27
ZYTIGA 500 MG (abiraterone acetate)	27

Ambetter from Arizona Complete Health được bảo lãnh bởi Health Net of Arizona, Inc. (có tên thương mại là Arizona Complete Health). Đây là đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Arizona. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2024 Health Net of Arizona, Inc. (có tên thương mại là Arizona Complete Health), Ambetter.AZcompletehealth.com. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter from Arizona Complete Health mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập Ambetter.AZcompletehealth.com và cuộn xuống cuối trang.